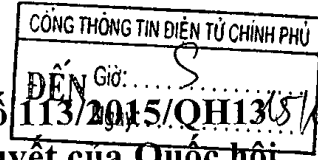


Số: 471/BC-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng hợp việc thực hiện Nghị quyết số 113/2015/QH13
của Quốc hội khóa XIII và các Nghị quyết của Quốc hội
về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, 3, 4, 5, 7 Quốc hội khóa XIV



Kính gửi: Quốc hội.

Quốc hội khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 113/2015/QH13 về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIII về hoạt động giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn; sau kỳ họp thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5 và thứ 7 khóa XIV, Quốc hội đã ban hành các Nghị quyết số 33/2016/QH14, số 44/2017/QH14, số 55/2017/QH14, số 63/2018/QH14 và số 83/2019/QH14 về hoạt động chất vấn, trong đó yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tập trung thực hiện những giải pháp, cam kết, khắc phục những tồn tại, hạn chế, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong các lĩnh vực công thương; tài nguyên và môi trường; giáo dục và đào tạo; nội vụ; nông nghiệp và phát triển nông thôn; văn hoá, thể thao và du lịch; y tế; kế hoạch và đầu tư; tài chính; ngân hàng; thông tin và truyền thông; giao thông vận tải; xây dựng; lao động, thương binh và xã hội; điều tra tội phạm, thi án hành chính; an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Theo từng lĩnh vực, ngành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã có Báo cáo chi tiết gửi tới Quốc hội và các vị Đại biểu Quốc hội. Chính phủ xin báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện các Nghị quyết nêu trên như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 113/2015/QH13 VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI KHÓA XIII VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ, HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN.**1. Lĩnh vực xây dựng pháp luật.**

Công tác triển khai thi hành Hiến pháp, để đảm bảo tiến độ, chất lượng xây dựng các dự án luật, Chính phủ tiếp tục thực hiện đưa nội dung về xây dựng pháp luật vào chương trình các phiên họp thường kỳ hoặc tổ chức phiên họp chuyên đề xây dựng luật để xem xét, cho ý kiến đối với các dự án luật, dự thảo nghị quyết.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đã phát hiện và kết luận kiểm tra, kiến nghị xử lý đối với các văn bản trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung; thường xuyên theo dõi sát sao, quyết liệt trong xử lý văn bản trái pháp luật đã được phát hiện qua công tác kiểm tra, nhất là những trường hợp văn bản trái pháp luật xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, lợi ích của nhà nước, xã hội.

2. Lĩnh vực tài chính, thương mại, doanh nghiệp nhà nước.

Tiếp tục triển khai Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn

với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 và Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2013 về một số nhiệm vụ cần triển khai trong 3 năm 2013-2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật trong lĩnh vực thị trường tài chính nhằm xây dựng, hoàn thiện và vận hành có hiệu quả thị trường tài chính, thúc đẩy thị trường phát triển lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia hoạt động trên thị trường, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát đối với thị trường. Thị trường bảo hiểm đa dạng hơn và đáp ứng được phần lớn nhu cầu người tham gia bảo hiểm, tăng cường khối lượng vốn đầu tư trở lại nền kinh tế. Tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội đã thông qua dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Đã thành lập Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp; tách chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước với chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, góp phần tạo sân chơi bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Tích cực triển khai theo kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước đã được phê duyệt, giảm tỉ lệ sở hữu nhà nước xuống mức đủ để thay đổi quản trị doanh nghiệp một cách thiết thực; thu hút nhà đầu tư chiến lược có năng lực.

3. Lĩnh vực khoa học công nghệ.

Thị trường khoa học và công nghệ đã được quan tâm chỉ đạo phát triển và có nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh, chuyển giao, đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp và đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ. Ngày 01 tháng 02 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 và Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Công tác xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành khoa học và công nghệ. Các cơ chế, chính sách đã khuyến khích, hỗ trợ chuyển giao công nghệ tiên tiến, ứng dụng đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hạn chế nhập khẩu công nghệ lạc hậu; hoàn thiện quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nâng cao chất lượng công tác xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hỗ trợ việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đặc biệt

là các cơ chế chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, tập trung hình thành các nhiệm vụ cấp Bộ có quy mô lớn nhằm giải quyết một cách tập trung, đồng bộ các vấn đề khoa học và công nghệ thuộc 6 lĩnh vực trọng điểm bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi và công nghiệp chế biến phục vụ trực tiếp đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

4. Lĩnh vực nông nghiệp.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đồng thời chỉ đạo quyết liệt triển khai các giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút các thành phần kinh tế, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đầu tư trong việc ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung vào các sản phẩm chủ lực của ngành, giải quyết các vấn đề bức xúc thực tiễn, phục vụ việc cơ cấu lại ngành.

Đã ban hành nhiều chính sách ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp từ ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư cho ngành, năng lực sản xuất kinh doanh, phòng chống thiên tai, năng lực hội nhập quốc tế. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất các lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế, sản xuất gắn với thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ Tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 gồm 15 tiêu chí, đồng thời yêu cầu các địa phương khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện. Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp, đã đánh giá sâu sắc và thực chất tình hình thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp trên phạm vi cả nước và ban hành kế hoạch hành động cơ cấu lại nông nghiệp giai đoạn 2017-2020.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững, từ năm 2016 đến nay, các Bộ, ngành Trung ương đã chủ động xây dựng và hoàn thiện trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình, góp phần hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình ở địa phương đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, tập trung vào những vấn đề cấp thiết và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; tăng nhanh cả về số lượng xã đạt chuẩn và từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí, làm tiền đề phân đầu hoàn thành mục tiêu của cả giai đoạn 2016-2020 trong năm 2019.

5. Lĩnh vực ngân hàng.

Trên cơ sở bám sát các Nghị quyết của Quốc hội và diễn biến kinh tế vĩ mô tiền tệ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và ngoại hối chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Theo đó, các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành đồng bộ,

linh hoạt, góp phần đảm bảo thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng; thị trường tiền tệ, tỷ giá ổn định trong bối cảnh kinh tế, tài chính thế giới chuyển biến nhanh, phức tạp đã tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, niềm tin vào đồng Việt Nam được củng cố, dự trữ ngoại hối Nhà nước tăng. Thành công trong việc giữ ổn định mặt bằng lãi suất trong nước trong điều kiện mặt bằng lãi suất thế giới có nhiều biến động. Tín dụng tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp và người dân. Tốc độ tăng tín dụng chậm dần trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế được cải thiện cho thấy tín dụng được phân bổ có hiệu quả và chất lượng.

Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng được tăng cường nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kiên quyết các rủi ro, tồn tại và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Công tác giám sát tiếp tục được đổi mới và tăng cường khả năng cảnh báo sớm các rủi ro; tiếp tục hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống chỉ tiêu giám sát. Quản lý, thanh tra, giám sát chặt chẽ hoạt động cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, hỗ trợ quá trình cơ cấu lại và xử lý nợ xấu.

6. Lĩnh vực phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm soát phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả đã hoàn thiện đáng kể. Cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả duy trì cập nhật kịp thời các thông tin về tình hình thị trường, số liệu kiểm tra, xử lý trên Website của Ban Chỉ đạo 368 quốc gia phục vụ cho công tác theo dõi, tra cứu thông tin nghiệp vụ.

Trên cơ sở Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại được Thủ tướng Chính phủ ban hành, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trên thị trường nội địa được tăng cường, tập trung kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, vận chuyển trái phép hàng hóa trên thị trường nội địa. Chú trọng kiểm tra, kiểm soát các lĩnh vực, mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và quyền lợi người tiêu dùng như thuốc lá, rượu, gia súc gia cầm, phân bón, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm chức năng; an toàn thực phẩm; sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng; kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên tại các khu vực tập kết hàng hóa gần biên giới, các chợ đầu mối, các tuyến đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các đối tượng buôn lậu, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng và các hành vi gian lận thương mại.

7. Lĩnh vực an toàn thực phẩm.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương, đến nay đã hoàn thành xây dựng “Tiêu chuẩn Việt Nam về chợ kinh doanh thực phẩm”, trong đó đưa ra các tiêu chí để đánh giá, chứng nhận chợ kinh doanh thực phẩm đạt chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, đây là căn cứ hướng dẫn để các địa phương tham khảo và áp dụng trong việc đầu tư mới, cải tạo nâng cấp và quản lý an toàn thực phẩm tại chợ; đồng thời Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ đạo thực hiện rà soát, lên kế hoạch để triển khai xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Các đoàn thanh tra, kiểm tra về việc bảo đảm an toàn thực phẩm được thành lập và tiến hành định kỳ tại các tỉnh/thành phố, đặc biệt thời gian xảy ra dịch tả lợn Châu Phi tại một số địa phương. Sau mỗi đợt thanh tra, kiểm tra có báo cáo tổng thể gửi Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm theo quy định.

8. Lĩnh vực tài nguyên môi trường.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường làng nghề trong cả nước để kịp thời theo dõi, tổng hợp các thông tin có liên quan, sự phân bố và phát triển các làng nghề không đồng đều trên cả nước, các làng nghề ở miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn trên tổng số lượng làng nghề cả nước (chiếm khoảng 60%), trong đó tập trung nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, dành nguồn lực ưu tiên xử lý ô nhiễm, qua đó thúc đẩy tiến độ xử lý đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo loại hình và vùng miền; thực hiện Chương trình mục tiêu xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2016 - 2020, trong đó đã bố trí kinh phí xử lý bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các địa phương đã và đang tích cực chỉ đạo, xây dựng kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

Thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương đã yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu vực tập trung nhiều nguồn thải như khu công nghiệp, làng nghề, khu vực dân cư đã có chuyên biến nhất định.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo siết chặt quản lý việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu trong các ngành sản xuất, vừa tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa bảo đảm các yêu cầu về môi trường.

Để đảm bảo phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước các lưu vực sông nói chung, bên cạnh việc hoàn thiện việc xây dựng cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các nguồn thải và kịp thời có các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện vi phạm về bảo vệ môi trường, sẽ có xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Chính phủ đã có Báo cáo chuyên đề về vấn đề bảo vệ môi trường gửi các vị đại biểu Quốc hội.

9. Lĩnh vực di dân, trồng rừng.

Công tác di chuyển các hộ dân đến nơi ở mới cơ bản đảm bảo tiến độ xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, các hộ tái định cư khi chuyển đến nơi ở mới cơ bản đã được giao đất ở, đất sản xuất theo quy định. Tuy nhiên, hiện vẫn còn hộ tái định cư của một số công trình thủy điện chưa được giao đủ đất. Hiện nay, các địa phương đang tiếp tục thực hiện các giải pháp để hoàn thành giao đất cho các hộ tái định cư thiếu đất sản xuất. Đối với việc di dời dân ra khỏi nơi thường xuyên bị thiên tai, đã giải quyết cơ bản tình hình dân di cư tự do đến các vùng miền núi và trung du, việc triển khai nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần hạn chế mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, hạn chế dân di cư tự do, các hộ dân di cư tự do được bố trí vào các điểm dân cư theo quy hoạch cơ bản được bố trí đủ đất ở, đất sản xuất theo quy định.

Công tác trồng rừng thay thế đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Hầu hết các địa phương đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về trồng rừng thay thế, tạo chuyển biến tích cực về ý thức bảo vệ rừng. Một số địa phương đã chủ động, sáng tạo trong tổ chức trồng rừng thay thế thông qua việc sử dụng tiền trồng rừng thay thế do các chủ dự án nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để hỗ trợ trồng rừng sản xuất với đơn giá hỗ trợ bằng đơn giá hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

10. Lĩnh vực xây dựng, nhà ở, đất ở.

Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quản lý phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm hoàn thiện khung pháp lý và các công cụ, chính sách cụ thể, đồng bộ, hoàn chỉnh với các quy định pháp luật liên quan mới được ban hành để quản lý và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật đô thị; tăng cường quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch theo quy định. Đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng; trong đó phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm về quản lý chất lượng công trình, chi phí xây dựng của các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trong tất cả các khâu của quá trình đầu tư xây dựng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Chính phủ phê duyệt; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) cấp quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 134/2016/QH13 ngày 09 tháng 4 năm 2016. Việc quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã có chuyển biến tích cực. Các địa phương đã kịp thời chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, lập danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất; nhiều địa phương đã chủ động rà soát đưa ra khỏi quy hoạch các công trình, dự án quá 3 năm không triển khai thực hiện.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương tập trung thực hiện bằng nhiều biện pháp, tiếp tục tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác cấp Giấy chứng nhận ở địa phương. Về việc ngăn chặn, xử lý những tiêu cực trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn

liên với đất, thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều cố gắng về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng đã kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm minh đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hiện tượng nhũng nhiễu, tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận.

11. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và việc làm.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hoàn thiện “Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030”; rà soát, sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhằm giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, khắc phục chùng chေo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển có hiệu quả sau sắp xếp.

b) Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế nâng cao hiệu quả trong giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên tiếp cận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế, tạo nhiều cơ hội học tập, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, cán bộ, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua tham quan, học tập, nghiên cứu, hội nghị, hội thảo ở nước ngoài; đẩy mạnh cả về quy mô, hiệu quả, hình thức và đa dạng hóa về nội dung, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp, chuyển giao các công cụ quản lý, đảm bảo chất lượng và các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề theo hướng quốc tế hóa; tích cực triển khai các hoạt động hợp tác song phương với các cơ quan, tổ chức của các nước.

c) Tập trung phát triển hệ thống các trung tâm Dịch vụ việc làm công, tăng cường kết nối cung - cầu lao động, đã có lộ trình rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động, thời gian tuyển dụng của người sử dụng lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị; đẩy mạnh các giải pháp tăng tỷ lệ sử dụng thời gian của lao động nông thôn, góp phần tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc cho người lao động.

12. Lĩnh vực giáo dục.

Chương trình giáo dục phổ thông mới đã được ban hành theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp của học sinh; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường thời gian hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động xã hội. Trong đó, nội dung giáo dục lịch sử, giáo dục đạo đức, giáo dục công dân và rèn luyện kỹ năng sống được chú trọng nhằm giáo dục nhân sinh quan, thế giới quan, hoàn thiện nhân cách, giáo dục ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng và những phẩm chất tiêu biểu của công dân toàn cầu trong xu thế phát triển, đổi mới, sáng tạo của thời đại; đồng thời góp phần hình thành, phát triển cho học sinh những phẩm chất đạo đức, các năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề của thực tiễn đời sống, làm chủ bản thân, thực hiện trách nhiệm công dân, phù hợp với chuẩn giá trị đạo đức và quy định của pháp luật.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, quy định về giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, phòng chống bạo lực học đường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; hướng dẫn thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; rà soát, tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên vào trong các môn học chính khóa; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và thực hiện nghiêm nền nếp, dân chủ, kỷ cương trong trường học; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; triển khai thực hiện Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong các trường học; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

13. Lĩnh vực y tế.

Hiện nay, các bệnh viện đã tiến hành sắp xếp tổ chức một cách hợp lý các phòng nhận bệnh, phòng thu phí, phòng phát thuốc, phòng khám, các phòng thực hiện cận lâm sàng theo tuần tự và logic hệ thống một cửa. Tăng thêm bàn khám, nhân lực để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh trong giờ hành chính và những ngày cao điểm; bố trí cán bộ, nhân viên luôn túc trực, tận tình hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Tiếp tục chỉ đạo đổi mới quan điểm, tư duy của cán bộ, nhân viên y tế về người bệnh, quản lý chất lượng dịch vụ y tế.

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước cho y tế; triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, liên doanh liên kết góp phần phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hiệu quả chẩn đoán và điều trị, phát hiện sớm, chính xác bệnh tật, giảm tỷ lệ tử vong; xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân; thực hiện có hiệu quả các giải pháp về huy động các nguồn vốn viện trợ nước ngoài.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra khám, chữa bệnh, xử lý nghiêm các cơ sở hành nghề y tư nhân hoạt động không phép hoặc giấy phép hết hiệu lực, trong đó tập trung kiểm tra các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân có yếu tố nước ngoài.

14. Lĩnh vực thông tin, viễn thông.

a) Tăng cường quản lý nhà nước về thông tin, tạo chuyển biến rõ nét trong việc định hướng tuyên truyền, quản lý nội dung thông tin, chú trọng tuyên truyền về hội nhập quốc tế:

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, thông tin cơ sở tập trung thông tin, tuyên truyền về các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; làm tốt vai trò là kênh thông tin, cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Thông tin kịp thời về các hoạt động đối nội, đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; về công tác bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo; làm tốt công tác chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan báo chí tập trung tuyên truyền về công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống người dân, kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tình hình an ninh trật tự xã hội. Tổ chức cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí

trong nước và quốc tế nhằm quảng bá, nâng cao vị thế của Việt Nam, đặc biệt là nhân dịp các sự kiện chính trị, thời sự quan trọng; định hướng thông tin cho các cơ quan báo chí hàng tuần. Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan kịp thời đánh giá, chấn chỉnh, định hướng thông tin về những vụ việc dư luận quan tâm, vụ việc liên quan đến đời sống dân sinh...; góp phần định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội; đồng thời tổ chức đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Bên cạnh việc tổ chức, quản lý thông tin tốt, Bộ Thông tin và Truyền thông vẫn thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của một số cơ quan báo chí, nhất là các tạp chí điện tử, nhằm hạn chế tình trạng “báo hóa” các tạp chí; xử lý nghiêm các cơ quan báo chí không thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, xử lý nghiêm nhiều vụ việc báo chí thông tin sai sự thật, xúc phạm uy tín của tổ chức, uy tín danh dự của cá nhân.

- Chính phủ đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 với mục tiêu: sắp xếp hệ thống báo chí gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí để phát triển hệ thống báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử; sắp xếp hệ thống báo chí nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, đầu tư dàn trải, buông lỏng quản lý, hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích; gắn với việc xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý báo chí của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là của người đứng đầu cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển báo chí trong tình hình mới.

b) Về bảo đảm an toàn thông tin mạng:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức đánh giá và công bố 06 sản phẩm phòng, chống phần mềm độc hại đáp ứng Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ để khuyến nghị sử dụng trong các cơ quan, tổ chức nhà nước; ban hành và tổ chức triển khai Chỉ thị số 04/CT-BTTTT ngày 11/01/2019 về tăng cường phòng chống mã độc và bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng; ban hành 02 văn bản hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về việc hướng dẫn yêu cầu an toàn thông tin cơ bản đối với hệ thống thông tin kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và hướng dẫn triển khai hoạt động giám sát an toàn thông tin trong cơ quan, tổ chức Nhà nước.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức các đoàn công tác làm việc với 28 cơ quan chuyên trách về CNTT của Bộ, ngành, địa phương để kiểm tra, đánh giá, giám sát ATTT và triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bộ đã chỉ đạo kiện toàn tổ chức, xây dựng, vận hành và nâng cao năng lực hệ thống kỹ thuật tập trung quy mô quốc gia (Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, trực thuộc Cục An toàn thông tin) để thực hiện chức năng theo dõi, giám sát kỹ thuật và giám sát thông tin công khai trên không gian mạng, cảnh báo sớm và xử lý các cuộc tấn công mạng nhằm vào Việt Nam và các xu hướng thông tin trên mạng; kịp thời đưa ra các cảnh báo, khuyến nghị cho các cơ quan, tổ chức về các nguy cơ gây mất an toàn thông tin. Chú trọng tổ chức triển khai và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an toàn cho

các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử, xây dựng và phát triển đô thị thông minh. Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực; đào tạo, tập huấn, diễn tập; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm ATTT cho cộng đồng; hàng năm tổ chức 03 cuộc diễn tập quốc tế về ATTT mạng, 07 chuỗi hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập chủ đề bảo đảm ATTT phục vụ Chính phủ điện tử và Chính quyền điện tử các cấp tại 07 vùng kinh tế trên toàn quốc; 02 đợt diễn tập nâng cao năng lực xử lý tình huống tấn công mạng vào hệ thống công nghiệp và tài chính, viễn thông quan trọng; 03 Hội nghị Nâng cao nhận thức - Yếu tố quyết định đảm bảo ATTT trong chuyển đổi số quốc gia... Bộ cũng đã tổ chức 08 chương trình đào tạo kỹ thuật chuyên sâu cho các đơn vị chuyên trách ứng cứu sự cố của các bộ, ngành, địa phương và các thành viên mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia; tổ chức 02 Chiến dịch rà quét và xử lý bóc gỡ mã độc cho thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh ... Bảo đảm an toàn, an ninh mạng phục vụ Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên tháng 2/2019 không để xảy ra bất kỳ sự cố nào.

c) Về quản lý SIM rác, tin nhắn rác và phát triển viễn thông:

- Đối với SIM rác, trong năm 2019, tiếp tục tăng cường công tác quản lý thông tin thuê bao, xử lý tình trạng SIM rác, tin nhắn rác, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp di động triển khai nhiều biện pháp như: Ban hành văn bản chấn chỉnh các doanh nghiệp và gắn trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu doanh nghiệp nếu để tồn tại tình trạng SIM rác; yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng hệ thống nhận dạng hình ảnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ gia tăng tính chính xác trong việc đăng ký thông tin thuê bao; hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng ngay trong tháng 6/2019 các tiêu chí ngăn chặn các kênh phân phối sử dụng thông tin không chính danh để đăng ký thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn SIM thuê bao, áp dụng các tiêu chí sàng lọc, phát hiện các SIM có dấu hiệu nghi vấn là kích hoạt sẵn trên kênh phân phối, tiến hành các biện pháp xử lý, thu hồi. Kết quả, tính đến ngày 24/9/2019, trên thị trường còn khoảng 9 triệu SIM nghi vấn là SIM rác. Trong số 9 triệu SIM này, các doanh nghiệp đã thực hiện khóa 2 chiều hơn 7,4 triệu SIM (số lượng SIM còn lại tiếp tục cho người dân cung cấp thông tin thuê bao theo yêu cầu trong tháng 10/2019). Dự kiến đến 30/10/2019, các doanh nghiệp sẽ xóa hoàn toàn thông tin thuê bao với các SIM đã khóa 2 chiều và chuyển về trạng thái SIM chưa kích hoạt.

Đối với tin nhắn rác, các biện pháp xử lý cũng đã phát huy tác dụng. Hệ thống chặn lọc tin nhắn rác của các nhà mạng đến nay hoạt động rất hiệu quả, số lượng tin nhắn rác trên mạng di động do các doanh nghiệp di động chặn từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2019 lên tới gần 240 triệu tin. Từ 01/01/2018 đến 25/9/2019, Bộ đã ghi nhận được 131.175 lượt phản ánh tin nhắn rác, giảm khoảng 24,8% so với cùng kỳ (01/01/2017 đến 25/9/2018 là 174.452 lượt phản ánh). Điều này nói lên các chính sách điều tiết trong năm vừa qua đã bước đầu phát huy hiệu quả.

- Về việc phát triển viễn thông theo quy hoạch: Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện các giải pháp để bảo đảm phát triển hệ thống viễn thông đúng quy hoạch, kế hoạch. Xây dựng cơ sở

vật chất hiện đại, thúc đẩy thị trường viễn thông phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh lành mạnh, tập trung vào đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực mạng lưới viễn thông của Việt Nam, hình thành xa lộ kết nối toàn cầu, thúc đẩy các doanh nghiệp di động nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh chăm sóc khách hàng. Bộ đã cấp phép thử nghiệm 5G cho ba doanh nghiệp viễn thông. Hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội đã chính thức thử nghiệm 5G tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; VNPT và MobiFone đang khẩn trương lắp đặt thiết bị để triển khai kế hoạch thử nghiệm tại các địa điểm theo kế hoạch.

15. Lĩnh vực du lịch.

Chính phủ đã quan tâm, tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, tổ chức triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Tại các phiên họp thường kỳ, Chính phủ dành nhiều thời gian thảo luận, đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh xúc tiến du lịch, quản lý, kiểm soát chất lượng kinh doanh dịch vụ du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam. Thời gian qua, ngành du lịch đã thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hệ thống sản phẩm du lịch, đặc biệt là thu hút các nhà đầu tư chiến lược với các dự án du lịch quy mô lớn, chất lượng đẳng cấp quốc tế để tạo động lực lan tỏa, xây dựng hình ảnh và thương hiệu, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam.

16. Lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn đề cao trách nhiệm, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội. Yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong quản lý nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo như đất đai, nhà ở; coi công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp; tăng cường, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp kéo dài; coi trọng và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo để người dân hiểu rõ về quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tuân thủ pháp luật.

Về việc rà soát giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài: Đã hoàn thành cơ bản việc rà soát, giải quyết các vụ việc theo Kế hoạch số 1130/KH-TTTP và Kế hoạch số 2100/KH-TTTP của Thanh tra Chính phủ. Hiện Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch số 363/KH-TTTP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Thanh tra Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Tổ Công tác do Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình làm Tổ trưởng để đôn đốc, kiểm tra và trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài tại các địa phương.

17. Lĩnh vực tư pháp; phòng, chống tham nhũng, tội phạm; trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ.

Công tác thi hành án dân sự tiếp tục tập trung chú trọng giải quyết các vụ việc thi hành án trọng điểm, các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp và các vụ việc thi hành án liên quan đến tín dụng ngân hàng. Công tác phối hợp trong thi hành án dân sự giữa các cơ quan thi hành án dân sự với các ngành Tòa án, Kiểm sát, Nội chính, Công an, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành án. Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp thường xuyên đ rà soát, kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Các hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện thường xuyên; kịp thời có ý kiến đối với nhiều vụ việc bồi thường; đồng thời tổ chức các Hội nghị liên ngành phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường và đ rà soát các vụ việc yêu cầu bồi thường phức tạp, kéo dài để đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm được chỉ đạo quyết liệt, đạt được nhiều kết quả toàn diện, rõ rệt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội; triệt phá được nhiều đường dây vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, thu giữ số lượng ma túy lớn; tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng đen; tội phạm xâm hại tình dục trẻ em; tội phạm sử dụng công nghệ cao, như vụ án “đánh bạc”, “tổ chức đánh bạc” trên mạng Internet, vụ án “Vũ nhôm”, “Út trọc”, “Mobifone mua AVG”. Trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tích cực, không để tội phạm lộng hành; nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng được điều tra làm rõ; tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án hình sự đạt và vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Tiến độ điều tra các vụ án kinh tế, tham nhũng thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo đạt được những kết quả rõ nét. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, kể cả những vụ việc tồn tại từ nhiều năm trước đã được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, công khai, đúng pháp luật, được nhân dân rất hoan nghênh, đồng tình ủng hộ. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm quán triệt các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

Trách nhiệm trong công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố tiếp tục được nâng cao và triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn bỏ lọt tội phạm, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Chất lượng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, công tác điều tra tội phạm nói riêng từng bước được nâng lên về chất lượng. Đã chỉ đạo triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo chuyên đề, các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước; thực hiện nhiều giải pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ góp phần kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, giải quyết tốt những vấn đề phức tạp nổi lên trên các tuyến, địa bàn trọng điểm. Kịp thời giải quyết có hiệu quả những vấn đề nổi lên trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; chỉ đạo có kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành

công tác phòng cháy, chữa cháy đối với nhà chung cư, nhà cao tầng, siêu cao tầng và các cơ sở tập trung đông người có nguy cơ cháy nổ cao ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự ở khu vực nông thôn, khu vực trọng điểm, biên giới, hải đảo, tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự xã hội ở địa bàn nông thôn, góp phần phục vụ xây dựng nông thôn mới trong tình hình hiện nay. Chủ động nắm tình hình, triển khai các biện pháp giữ vững ổn định an ninh, trật tự tại các vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, không để kẻ xấu lợi dụng kích động chống phá, hoạt động phạm tội. Đẩy mạnh các biện pháp nghiệp vụ, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm tại các tuyến, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự, nhất là các tuyến, địa bàn giáp ranh giữa nông thôn và thành thị, địa bàn biên giới, địa bàn giáp ranh giữa các tỉnh, địa bàn tập trung các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều kế hoạch, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Tập trung kiểm tra các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông, người điều khiển xe sử dụng rượu bia, chất kích thích, ma túy; giải quyết tốt tình hình phức tạp về an ninh, trật tự tại các trạm thu phí BOT; tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 33/2016/QH14 VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 2 QUỐC HỘI KHÓA XIV.

I. Lĩnh vực công thương.

1. Về rà soát, đánh giá tổng thể về thực trạng, mức độ thiệt hại, khẩn trương xử lý dứt điểm đối với các dự án thua lỗ, kém hiệu quả; xác định rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có sai phạm.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2551/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo), giao Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và đại diện Lãnh đạo 12 Bộ, ngành, cơ quan có liên quan làm Thành viên Ban Chỉ đạo.

Sau quá trình rà soát, đánh giá tổng thể tình hình ở các dự án, ngày 26 tháng 5 năm 2017, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đã trình và được Bộ Chính trị cho ý kiến đối với xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương. Theo đó, Bộ Chính trị đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực, khẩn trương, quyết liệt của Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và giao trách nhiệm cho Ban Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công Thương và các Bộ ngành triển khai xử lý dứt điểm các dự án, doanh nghiệp này trong thời gian tới.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 9 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1468/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương” và ngày 14 tháng 11 năm 2017 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã thừa ủy quyền của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 4269/QĐ-BCĐĐANCT về Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án nêu trên giai đoạn 2017 - 2020.

Tại các Kỳ họp thứ 4, 5, 6 và 7 Quốc hội khóa XIV, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã báo cáo kết quả rà soát, đánh giá tổng thể về thực trạng, mức độ thiệt hại; phương án xử lý các tồn tại, yếu kém của 12 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương và những kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo xử lý và chuyển biến tại các dự án, doanh nghiệp.

Đến nay, thực hiện Nghị định số 131/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý vốn tại doanh nghiệp, ngày 9 tháng 7 năm 2019, Bộ Công Thương đã bàn giao việc xử lý 12 dự án về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao và chia sẻ các kinh nghiệm quản lý và xử lý các vấn đề của Dự án trước đây trên cơ sở các đề xuất từ Ủy ban.

2. Về hoàn thành việc xây dựng và thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển thị trường trong nước.

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2016, Bộ Công Thương đã xây dựng và đang hoàn thiện *Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035*. Tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8 năm 2019, Chính phủ đã chấp thuận việc điều chỉnh giai đoạn và tên gọi của *Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035* thành *Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ hoàn thiện Chiến lược để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành.

Ngay sau khi phê duyệt Chiến lược, Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ đạo tập trung thực hiện các nhóm giải pháp nhằm đạt được mục tiêu đề ra tại Chiến lược, góp phần xây dựng và phát triển thương mại trong nước hiện đại, tăng trưởng nhanh và bền vững, phù hợp với trình độ phát triển từng giai đoạn.

3. Về hoạt động bán hàng đa cấp và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động này.

a) Công tác sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp:

- Năm 2018, Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, đóng vai trò then chốt trong quản lý và xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp, bao gồm: Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, có hiệu lực từ ngày

02 tháng 5 năm 2018; Nghị định số 141/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bán hàng đa cấp.

- Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 10/2018/TT-BCT ngày 24 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

b) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp:

Trong năm 2018, Bộ Công Thương đã xử phạt 04 doanh nghiệp bán hàng đa cấp có hành vi vi phạm pháp luật về bán hàng đa cấp với tổng số tiền phạt 770 triệu đồng, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của 01 doanh nghiệp. Tháng 3 năm 2019, Bộ Công Thương tiếp tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của 05 doanh nghiệp được xác nhận không đáp ứng đủ điều kiện tại Nghị định 40/2018/NĐ-CP. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Bộ Công Thương đã tiến hành thanh tra 02/04 doanh nghiệp kinh doanh theo phương thức đa cấp. Từ kết luận thanh tra, Bộ Công Thương đã xử phạt 02 doanh nghiệp với tổng số tiền phạt là 835 triệu đồng. Trong quý III/2019, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục triển khai hoạt động thanh tra việc chấp hành pháp luật về bán hàng đa cấp đối với 02 doanh nghiệp.

Hầu hết các địa phương báo cáo hoạt động bán hàng đa cấp đã được chấn chỉnh. Tổng số tiền phạt theo báo cáo của Sở Công Thương đến thời điểm hiện nay là 3,6 tỷ đồng, trong đó có hơn 2,5 tỷ đồng là tiền phạt vi phạm về chậm nộp thuế do Cục Thuế Hà Nội thực hiện, xử phạt vi phạm hành chính chỉ vào khoảng hơn 700 triệu đồng.

4. Về triển khai đầy đủ quy định pháp luật về quản lý thị trường để hạn chế tình trạng hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng.

a) Hoàn thành việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Quản lý thị trường, cụ thể như sau:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường và đang xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 148/2016/NĐ-CP.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10/08/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương.

- Bộ Công Thương đã ban hành 06 Thông tư hướng dẫn thực hiện.

b) Ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch nhằm tăng cường có hiệu quả công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, bao gồm:

- Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp.

- Kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Kế hoạch về tăng cường thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và chất cấm dung trong chăn nuôi, chế biến thực phẩm.

- Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Kế hoạch tăng cường công tác quản lý phân bón vô cơ; Kế hoạch về tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng.

- Kế hoạch đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo xuất xứ tại các địa bàn trọng điểm đến hết năm 2020.

- Kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu.

- Thực hiện Đề án Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm đến năm 2020.

c) Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại, sản xuất hàng hóa:

Trong thời gian qua, để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trên thị trường, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã từng bước củng cố lực lượng, tăng cường triển khai các hoạt động kiểm tra, kiểm soát thường xuyên theo kế hoạch công tác hàng năm và thực hiện quyết liệt nhiều chương trình, kế hoạch chuyên đề để tạo sự chuyển biến rõ rệt hơn ở các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm.

Từ năm 2016 đến nay, lực lượng Quản lý thị trường cả nước đã kiểm tra trên 580.000 vụ; phát hiện, xử lý trên 352.500 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước gần 1.900 tỷ đồng (chưa tính giá trị hàng tịch thu chờ bán).

5. Về công tác thực hiện quy hoạch phát triển ngành ô tô.

a) Những kết quả cơ bản đạt được:

Ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đã phát triển khá nhanh trong 02 năm trở lại đây. Một số loại sản phẩm đã xuất khẩu sang thị trường Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Mỹ... Hiện nay, trong nước có khoảng hơn 40 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, với tổng công suất lắp ráp thiết kế khoảng 680.000 xe/năm. Có nhiều hãng lớn có hoạt động sản xuất, lắp ráp trong nước. Một số doanh nghiệp nội địa đã tham gia sâu vào chuỗi sản xuất ô tô toàn cầu.

b) Những định hướng chính trong phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035:

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2014) và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2014) với những định hướng như sau:

- Đối với xe chở người đến 9 chỗ ngồi (xe con): định hướng cho giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 là tập trung vào phát triển các sản phẩm xe con phù hợp với người Việt Nam và xu hướng phát triển xe con của thế giới (xe thân

thiện môi trường: eco car, hybrid, xe điện...) gồm: Xe cá nhân, kích thước nhỏ, tiêu thụ ít năng lượng, thân thiện với môi trường và giá cả phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam. Mục tiêu đến năm 2020 - 2025, xe sản xuất trong nước đáp ứng 60 - 70% nhu cầu thị trường và nội địa hóa đến 2020 đạt từ 35 - 40%, đến năm 2021 - 2025 đạt 40 - 45%.

- Đối với xe tải và xe khách: Tập trung vào phát triển các chủng loại sản phẩm sản xuất trong nước có lợi thế và các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn; các loại xe chuyên dùng, gồm có: xe tải nhỏ đa dụng phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; xe khách tầm trung và tầm ngắn; xe chở bê tông, xi-téc và đặc chủng an ninh - quốc phòng; xe nông dụng đa chức năng.

- Về công nghiệp hỗ trợ: Định hướng cho thời gian tới là tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp lớn nước ngoài trong việc sản xuất linh kiện và phụ tùng, trong đó tập trung vào các bộ phận quan trọng, hàm lượng công nghệ cao (động cơ - hộp số - bộ truyền động) để phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước, thay thế nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu.

6. Về việc hoàn thành danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2025.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, với Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm từ năm 2017 đến năm 2025 và các cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển ngành cơ khí.

7. Về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện.

Chính phủ đã xây dựng và ban hành chương trình hành động với các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và phương pháp tổ chức cụ thể, thống nhất và đồng bộ từ các Bộ, ngành Trung ương đến các địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện. Ngày 10 tháng 02 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Quyết định số 396/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV trong lĩnh vực thủy điện.

Đến nay, công tác rà soát về quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình thủy điện trên địa bàn cả nước đã cơ bản hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu đề ra theo NQ của Quốc hội. Kết quả rà soát liên tục qua 07 năm liên tục (từ 2012-2018), Bộ Công Thương đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh xem xét loại bỏ khỏi quy hoạch 08 dự án thủy điện (DATĐ) bậc thang, 471 DATĐ nhỏ và 213 vị trí tiềm năng thủy điện. Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện (NMTĐ) ngày càng được thực hiện một cách đồng bộ, tuân thủ quy định của pháp luật, đạt được những kết quả tích cực. Trong cơ cấu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia hiện nay, thủy điện chiếm tỷ trọng khá lớn. Xét chung trong hệ thống điện quốc gia, các Dự án thủy điện (DATĐ) đang vận hành chiếm tỷ trọng khoảng 40% về công suất lắp đặt và khoảng 37% về điện năng, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an ninh năng lượng. Mặt khác, trong quá trình vận hành, các NMTĐ đã phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp, các

cơ quan dự báo khí tượng thủy văn, các địa phương, thực hiện tốt đồng thời nhiệm vụ phát điện và nhiệm vụ cấp nước cho hạ du mùa khô, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện. Việc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành của Chủ đầu tư về quản lý an toàn đập, quy trình vận hành đơn hồ, liên hồ chứa, trồng rừng thay thế, chi trả dịch vụ môi trường, bảo vệ môi trường, nhìn chung đã được thực hiện khá nghiêm túc; Công tác bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư các DATĐ trên địa bàn cả nước về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định hiện hành. Công tác trồng bù rừng trong thời gian vừa qua đã được Bộ Công Thương phối hợp với Bộ NN&PTNT và các địa phương thống nhất chỉ đạo thực hiện rất quyết liệt và đã đạt kết quả cao.

II. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

1. Tổ chức rà soát để thực hiện hiệu quả Luật Giáo dục.

Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, phân tích những tác động tích cực và hạn chế của Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009; tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Giáo dục; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và nhân dân để sửa đổi toàn diện Luật Giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Giáo dục năm 2019. Để triển khai Luật Giáo dục năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành.

2. Hoàn thành việc xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo.

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và một số bộ, ban ngành triển khai sơ kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ngày 30/5/2019, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Kết luận số 51- KL/TW về tiếp tục thực Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Hiện nay, Bộ GDĐT đang xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51- KL/TW với 06 nhiệm vụ cụ thể: (1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện Nghị quyết, (2) Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân, (3) Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; xây dựng xã hội học tập, (4) Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới, (5) Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra,

thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục, đào tạo, (6) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục.

Đồng thời, Bộ GDĐT đang xây dựng kế hoạch để tổng kết việc thực hiện các mục tiêu đổi mới toàn diện GDĐT giai đoạn 2011-2020 và xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025.

3. Công tác thi, tuyển sinh.

- Về tổ chức kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia:

Kỳ thi THPT quốc gia thực hiện theo lộ trình từ năm 2015 đến năm 2020 đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết 29-NQ/TW; trong đó xác định đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo là khâu đột phá, tác động tích cực trở lại đối với quá trình đổi mới phương pháp dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong các nhà trường với mục tiêu: đánh giá khách quan, trung thực kết quả học tập của học sinh sau 12 năm học ở mức độ học vấn phổ thông, đảm bảo kết quả thi có độ tin cậy và phân hóa để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đồng thời, cung cấp thông tin phản hồi về chất lượng giáo dục phổ thông để điều chỉnh quá trình dạy, học nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong các trường phổ thông.

Kỳ thi THPT quốc gia đã kế thừa được những ưu điểm và kết quả đạt được, khắc phục những bất cập của các kỳ thi trước đó, bảo đảm tính liên tục của lộ trình đổi mới thi, không gây xáo trộn cho giáo viên và học sinh, phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và với xu hướng chung của các nước trên thế giới. Tuy nhiên, việc ra đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, xét tuyển ĐH, CĐ hằng năm vẫn còn một số bất cập, cần rút kinh nghiệm, hoàn thiện để kết quả thi đảm bảo tính khách quan, trung thực. Đặc biệt, trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 còn để xảy ra sai phạm nghiêm trọng trong khâu chấm thi tại Hà Giang, Hòa Bình, Sơn La.

Rút kinh nghiệm trong tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2018, kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019, Bộ GDĐT đã tổ chức rà soát, đánh giá toàn bộ các khâu của quy trình tổ chức kỳ thi THPT quốc gia để thực hiện những điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện phương án tổ chức kỳ thi THPT quốc gia để tổ chức tốt hơn kỳ thi 2019 và những năm tiếp theo. Theo đó, kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 giữ ổn định về phương thức tổ chức như các năm 2017, 2018, không ảnh hưởng đến quá trình dạy và học của giáo viên, học sinh cũng như xã hội; đồng thời, thực hiện một số điều chỉnh kỹ thuật trong quy trình tổ chức thi nhằm khắc phục triệt để các hạn chế, bất cập đảm bảo tổ chức thi khách quan, an toàn, nghiêm túc. Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 vừa qua được dư luận xã hội đánh giá cao, đảm bảo khách quan, công bằng, giảm áp lực và tốn kém, tạo thuận lợi cho thí sinh. Do đó, Kỳ thi THPT quốc gia tiếp tục được tổ chức ổn định trong năm 2020, hoàn thiện tiền đề tiếp tục đổi mới thi, xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ giai đoạn tiếp theo.

Hiện Bộ GDĐT đang xây dựng phương án đổi mới thi và xét công nhận tốt nghiệp và tuyển sinh ĐH, CĐ giai đoạn sau 2020 theo hướng đồng bộ với lộ trình

triển khai thực hiện chương trình sách giáo khoa phổ thông mới, tăng cường phân cấp cho các địa phương, tăng quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, tiếp cận với xu hướng thi và tuyển sinh quốc tế.

- Về tổ chức xét tuyển sinh đại học:

Thực hiện Luật Giáo dục đại học (năm 2012) và để đảm bảo đổi mới thi và tuyển sinh đáp ứng yêu cầu trung thực, khách quan nhưng nhẹ nhàng, giảm áp lực, tốn kém đối với thí sinh, gia đình và xã hội, các trường có nhiều giải pháp lựa chọn phương thức để tuyển sinh, như: (i) Xét tuyển dựa vào kết quả các bài thi THPT quốc gia; (ii) Sơ tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia hoặc dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT kết hợp với thi đánh giá năng lực chuyên biệt của thí sinh; (iii) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT; (iv) Phối hợp nhiều phương thức tuyển sinh.

Các trường ĐH, CĐ được tự nguyện phối hợp thành nhóm trường để thực hiện xét tuyển và được khai thác thông tin (của trường/nhóm trường mình và của các trường/nhóm trường khác có liên quan) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để dự kiến điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển vào trường/nhóm trường. Để đảm bảo quyền lợi cho thí sinh, phương án cho thí sinh đăng ký nhiều nguyện vọng xếp theo thứ tự ưu tiên để xét tuyển (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh đăng ký xét tuyển sớm, cùng thời gian đăng ký dự thi THPT (từ 01 đến 20/4) và được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển một lần duy nhất trong thời gian quy định sau khi có kết quả thi THPT quốc gia, giúp thí sinh đặt ra mục tiêu phấn đấu cũng như các trường có thể xây dựng kế hoạch phù hợp với số lượng dự kiến đăng ký xét tuyển để chuẩn bị tốt hơn công tác tuyển sinh. Đồng thời, các trường được tuyển sinh nhiều đợt trong năm để đảm bảo sự linh hoạt cho các trường và tạo điều kiện cho thí sinh được lựa chọn đúng ngành nghề mà các em yêu thích. Bộ GDĐT đã xây dựng phần mềm xét tuyển chung giúp hỗ trợ các trường hạn chế bớt số lượng thí sinh “ảo”.

4. Về định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông phù hợp với cơ cấu phát triển nguồn nhân lực quốc gia, điều kiện kinh tế - xã hội.

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 522/QĐ-TTg ban hành Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”, trong đó quy định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, kinh phí và lộ trình thực hiện Đề án. Để triển khai Đề án này, Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 1223/KH-BGDĐT ngày 28/12/2018 và Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 hướng dẫn triển khai Đề án.

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, giáo dục hướng nghiệp được thực hiện thường xuyên và liên tục, thông qua tất cả các môn học từ tiểu học đến THCS và THPT, tập trung nhiều hơn ở các môn Công nghệ, Tin học, Khoa học tự nhiên, Giáo dục công dân ở THCS, các môn học ở THPT và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở THCS, THPT.

5. Đổi mới, đảm bảo chất lượng chương trình, sách giáo khoa phổ thông.

Bộ GDĐT đã ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới bao gồm Chương trình tổng thể và các Chương trình môn học, hoạt động giáo dục tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; ban hành quy định tiêu

chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa, làm căn cứ để bảo đảm chất lượng của sách giáo khoa do các tổ chức, cá nhân biên soạn tại Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017. Hiện nay, Bộ GDĐT đang tiến hành thẩm định sách giáo khoa để lựa chọn các bộ sách giáo khoa bảo đảm các tiêu chuẩn, tiêu chí đưa vào sử dụng.

6. Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Bộ GDĐT đã hoàn thiện chương trình cho trẻ mầm non làm quen tiếng Anh, ban hành chương trình môn tiếng Anh lớp 1-2, môn tiếng Anh hệ 10 năm (lớp 3-12) và các chương trình môn tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Pháp theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Đến nay, cả nước có 43/63 địa phương triển khai thí điểm hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh; 63/63 địa phương triển khai các chương trình ngoại ngữ mới, nổi bật là TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Giang...

Các cơ sở GDĐT tiếp tục hoàn thiện, triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành, nghề đào tạo, đặc biệt là đối với tiếng Anh, góp phần hỗ trợ sinh viên học và sử dụng ngoại ngữ bảo đảm yêu cầu, chất lượng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ khi tốt nghiệp. Hoàn thành xây dựng khung năng lực giáo viên ngoại ngữ, bộ tiêu chí đánh giá các đơn vị tổ chức bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ, các hệ thống trực tuyến bồi dưỡng giáo viên về năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm. Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng Anh các cấp học phổ thông.

Công tác khảo thí năng lực ngoại ngữ được rà soát, kiểm soát chặt chẽ hơn với việc thẩm định và công nhận, giới thiệu 8 đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh). Tiếp tục xây dựng ngân hàng đề thi chuẩn hóa đánh giá năng lực tiếng Anh, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về khảo thí.

7. Quản lý việc dạy thêm, học thêm.

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông, Bộ GDĐT đã ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, bảo đảm yêu cầu giảm tải, giảm hàn lâm, gắn với thực tiễn. Tiếp thu ý kiến của cử tri, thời gian tới, Bộ GDĐT sẽ tăng cường chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục thực hiện tốt phương pháp giáo dục tích cực, tăng cường hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm cho học sinh; kiểm tra, đánh giá, thi cử nhẹ nhàng, không nặng về kiểm tra kiến thức mà tập trung đánh giá sự phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; đồng thời, Chính phủ sẽ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục theo hướng tăng xử phạt trong dạy thêm, học thêm không đúng quy định.

8. Quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học trên cơ sở kiểm định chất lượng đào tạo, phân tầng, xếp hạng, cơ cấu đào tạo.

Hiện nay, Bộ GDĐT đang rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật Quy hoạch; xây dựng kế hoạch để tổng kết việc thực hiện các mục tiêu đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo giai

đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 và giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045.

Cùng với việc hoàn thiện hành lang pháp lý về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, Bộ GDĐT triển khai các hoạt động nhằm tăng cường quản lý quy hoạch mạng lưới và gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội như: Định kỳ công khai minh bạch kết quả kiểm định chất lượng trên Cổng thông tin của Bộ GDĐT; rà soát các quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học rà soát, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, làm căn cứ cho việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh; yêu cầu các cơ sở báo cáo tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm nhằm đề cao yêu cầu đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động và làm cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

9. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 – 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục đại học; nghiên cứu xây dựng mô hình trường đại học phù hợp với CMCN 4.0; triển khai phát động chương trình khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

- Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng đến năm 2020”.

10. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và bố trí việc làm tại địa phương.

Qua đánh giá thực trạng việc thực hiện chế độ cử tuyển cho thấy việc bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển gặp nhiều khó khăn do hình thức tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức đã có nhiều thay đổi theo quy định Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức. Để khắc phục tình trạng này, tại Luật Giáo dục năm 2019 đã sửa đổi quy định về việc thực hiện chính sách cử tuyển theo hướng: *Nhà nước dành riêng chỉ tiêu cử tuyển đối với các dân tộc thiểu số rất ít và các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có ít người có trình độ đại học; có chính sách tạo nguồn tuyển sinh trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh các dân tộc này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ vào nhu cầu của địa phương, có trách nhiệm đề xuất chỉ tiêu cử tuyển, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề phù hợp, cử người đi học cử tuyển theo đúng chỉ tiêu được duyệt và tiêu chuẩn quy định. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm hỗ trợ cho người đi học theo chế độ cử tuyển để bảo đảm chất lượng đầu*

ra. Người được cử đi học theo chế độ cử tuyển được ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức. Thời gian tới, Chính phủ sẽ ban hành các quy định cụ thể về chính sách cử tuyển để đảm bảo gắn đào tạo với nhu cầu và bố trí việc làm tại địa phương.

11. Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài, giải quyết việc làm tại địa phương cho sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi là người dân tộc thiểu số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dân tộc thiểu số.

Bộ GDĐT đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát đánh giá thực trạng, tổng hợp các vấn đề liên quan để tìm hiểu nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài, giải quyết việc làm cho sinh viên và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dân tộc thiểu số. Thời gian tới, sẽ tiếp tục rà soát, tổng kết, đánh giá thực trạng, vướng mắc trong triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài, giải quyết việc làm tại địa phương cho sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi là người dân tộc thiểu số; từ đó nghiên cứu, đề ra giải pháp thích hợp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dân tộc thiểu số.

III. Lĩnh vực nội vụ.

1. Về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức.

a) Về sắp xếp tổ chức bộ máy:

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức triển khai cụ thể, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng Bộ, ngành và địa phương.

- Về hoàn thiện thể chế:

+ Chính phủ đã xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV. Hiện nay, Bộ Nội vụ phối hợp với Ủy ban Pháp luật của Quốc hội tiếp thu, giải trình các ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, hoàn thiện dự thảo Luật để trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV.

+ Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định, gồm: (1) Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; (2) Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; (3) Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ.

+ Ban cán sự đảng Chính phủ đã báo cáo Bộ Chính trị về việc ban hành các quy định của Chính phủ liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và của các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

Trong thời gian tới Chính phủ sẽ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Nghị định thay thế Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, sẽ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

b) Về biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Biên chế công chức: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện (khỏi Chính phủ quản lý), tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của Bộ, ngành, địa phương, biên chế công chức của các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, biên chế của các Hội có tính chất đặc thù và biên chế công chức dự phòng năm 2020 là **253.517** biên chế, giảm **8,68%** so với số biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện được giao năm 2015.

- Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (khỏi Chính phủ quản lý): Năm 2019, Bộ Nội vụ đã thẩm định 63/63 tỉnh, 20/22 Bộ, cơ quan ngang Bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) và 08/08 cơ quan thuộc Chính phủ, tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của các Bộ, ngành (giảm **11,85%**) và địa phương (giảm **4,26%**) so với năm 2015.

c) Về tinh giản biên chế:

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế là **40.500** người (năm 2015 là 5.778 người; năm 2016 là 11.923 người; năm 2017 là 12.660 người; năm 2018: 10.139 người).

- Theo quy định, các Bộ, ngành và địa phương được phân cấp giải quyết chế độ chính sách tinh giản biên chế và định kỳ báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính 02 lần/năm để kiểm tra theo quy định. Theo báo cáo, số người tinh giản biên chế theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP trong 06 tháng đầu năm 2019 là **10.047** người.

2. Về đề án vị trí việc làm

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ chủ trì triển khai thực hiện việc xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các bộ, ngành xây dựng danh mục, bản mô tả vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm cán bộ, công chức theo ngành, lĩnh vực để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Về Đề án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất

lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 ban hành Chương trình hành động, trong đó, đưa ra 52 nhiệm vụ, đề án và phân công cụ thể để các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, thực hiện. Đến nay, tất cả các Bộ, ngành, địa phương đều đã ban hành kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 08/NQ-CP để tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi, địa bàn quản lý.

4. Về chính sách tiền lương

Thực hiện ý kiến của Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ đã nghiên cứu xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp báo cáo Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 7 khóa XII thông qua tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, trong đó đã phân công nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng quy định cụ thể nội dung cải cách chính sách tiền lương theo quan điểm, mục tiêu, nội dung cải cách và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW. Các Bộ, ngành ở Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc hoặc Ban Soạn thảo và Tổ Biên tập cải cách chính sách tiền lương và xây dựng kế hoạch triển khai việc thiết kế bảng lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo và phụ cấp theo nghề (nếu có) đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, trong đó phân công các đơn vị chức năng nghiên cứu, tham mưu đề xuất thực hiện để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo tiến độ được giao.

Hiện nay, các Bộ, cơ quan đang tổng hợp, đánh giá thực trạng chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý qua các giai đoạn, rà soát văn bản quy định về chính sách tiền lương, trên cơ sở đó, đề xuất thiết kế bảng lương và các chế độ phụ cấp theo nội dung cải cách chính sách tiền lương nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

5. Về công tác thanh tra, kiểm tra.

a) Từ năm 2018 đến nay, Bộ Nội vụ đã tiến hành **31** cuộc thanh tra theo kế hoạch về quản lý, sử dụng biên chế công chức; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế; tuyển dụng, nâng ngạch, chuyển ngạch đối với công chức, viên chức; việc ký hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; công tác bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; số lượng cấp phó công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá công chức, viên chức; cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; việc thực hiện chính sách tiền lương, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, kéo dài thời gian công tác và quản lý hồ sơ công chức, viên chức; công tác thi đua khen thưởng; công tác tôn giáo. Tiến hành **06** cuộc kiểm tra về những nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Các bộ, ngành, địa phương đã tiến hành 1.459 cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó **1.381** cuộc theo kế hoạch, **78** cuộc đột xuất, tiếp nhận **1.182** thông tin phản ánh từ phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do công dân phản ánh (qua đơn thư

1.449 thông tin, qua phương tiện thông tin đại chúng 28 thông tin).

Đối với những sai phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xử lý nghiêm, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và các hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức để xảy ra sai phạm trong công tác tổ chức, quản lý và sử dụng biên chế; ký hợp đồng làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; thực hiện tinh giản biên chế chưa đúng tiến độ, tỷ lệ theo quy định; bổ nhiệm cấp phó vượt quá số lượng quy định. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu xử lý sai phạm thu hồi, hủy bỏ các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức không đúng quy định tại một số bộ, ngành, địa phương, cụ thể: **131** trường hợp bị miễn nhiệm, thu hồi, hủy bỏ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; **176** trường hợp bị thu hồi, hủy bỏ quyết định tuyển dụng, tiếp nhận; **121** trường hợp bị thu hồi, hủy bỏ quyết định nâng ngạch, chức danh nghề nghiệp; **53** trường hợp bị xếp lại ngạch công chức, hạng viên chức; **15** trường hợp bị xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi việc; **645** trường hợp rút kinh nghiệm và **896** trường hợp biện pháp xử lý khác.

b) Để kiểm tra việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật của cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ tại các Bộ, ngành, địa phương và xử lý các vi phạm trong hoạt động công vụ, ngày 02/4/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 364/QĐ-TTg về việc thành lập Tổ công tác về kiểm tra công vụ, gồm: Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Tổ trưởng Tổ công tác; Tổ phó và thành viên Tổ công tác là lãnh đạo Bộ, lãnh đạo Vụ của các cơ quan: Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và Thanh tra Chính phủ.

Tổ công tác đã tổ chức xây dựng kế hoạch để tiến hành kiểm tra công vụ tại một số Bộ, ngành, địa phương, như: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Cà Mau, Bạc Liêu, Nghệ An, Hà Tĩnh, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Long An, Bình Phước. Trong thời gian tới, Tổ công tác sẽ tiếp tục thực hiện việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật của cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ tại các Bộ, ngành, địa phương theo kế hoạch.

C. KẾT QUẢN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 44/2017/QH14 VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN TẠI KỶ HỌP THỨ 3 QUỐC HỘI KHÓA XIV.

I. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1. Về rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

Từ năm 2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) triển khai rà soát, điều chỉnh “Quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”; đã tổ chức nhiều Hội thảo xin ý kiến, gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan, cũng như đăng tải trên website để lấy ý kiến rộng rãi người dân. Đến nay, đã hoàn thiện việc rà soát và đề xuất điều chỉnh. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Quy hoạch (có hiệu lực từ ngày 01/01/2019) thì Quy hoạch này thuộc danh mục bị bãi bỏ. Do vậy, Bộ

NN&PTNT sẽ sử dụng kết quả này để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trong thời gian tới.

2. Về thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, chú trọng các giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, Bộ NN&PTNT đã ban hành Kế hoạch hành động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, địa phương, thực hiện đồng bộ các giải pháp thực hiện cơ cấu lại, đồng thời chỉ đạo tập trung vào một số các giải pháp đột phá sau:

- Tập trung nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, đặc biệt là nông dân và doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi hơn về đất đai, nguồn vốn và thị trường để mở rộng sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành, đặc biệt là Bộ Khoa học và Công nghệ để giải quyết các vấn đề căn cốt trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình và các khâu chế biến, phân phối với cả 3 nhóm sản phẩm quốc gia, cấp tỉnh, sản phẩm địa phương.

3. Triển khai bộ tiêu chí theo dõi đánh giá thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 tại Quyết định 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017, Bộ NN&PTNT đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai Bộ Tiêu chí (Quyết định 3449/QĐ-BNN-KH ngày 21/8/2017). Trong đó, xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu và các hoạt động tập trung thực hiện từ nay đến năm 2020 như tăng cường truyền thông, nâng cao năng lực về giám sát đánh giá, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và các hoạt động sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí.

Bộ NN&PTNT đã tổ chức 3 Hội nghị toàn quốc để phổ biến, hướng dẫn các đơn vị và địa phương tính toán, báo cáo các tiêu chí trong Bộ Tiêu chí; nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn Bộ Tiêu chí và triển khai hướng dẫn thống nhất trong toàn quốc; đã phối hợp với Tổng cục Thống kê để chuẩn hóa các thuật ngữ, cách tính toán theo phương pháp thống kê. Đồng thời, đã tổ chức các lớp tập huấn tại 3 miền cho các cán bộ trực tiếp theo dõi về TCC ở các Sở NN&PTNT và cán bộ thống kê ở Cục Thống kê tỉnh. Trên cơ sở đó, Bộ đã ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ Tiêu chí tại Quyết định 816/QĐ-BNN-KH ngày 8/3/2019.

4. Về thực hiện chuỗi sản xuất chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, việc liên kết giữa nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và doanh nghiệp.

Bộ NN&PTNT đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị triển khai xây dựng các chuỗi liên kết 03 trục nông sản trụ cột của tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/08/2018 về

Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ban hành Kế hoạch số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020. Trên cơ sở tập trung chỉ đạo xây dựng các chuỗi liên kết, đến nay có 1.420 chuỗi nông sản an toàn, 1.538 sản phẩm và 3.287 địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi nông sản an toàn thực phẩm.

Trong năm 2019, Bộ NN&PTNT đã và đang tập trung chỉ đạo, hướng dẫn để mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất từ 3-5 mô hình liên kết chuỗi giá trị hiệu quả có sự tham gia của các HTX và doanh nghiệp đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Đề án 15.000 hợp tác xã, truyền thông về các mô hình hợp tác xã kiểu mới khởi nghiệp thành công, ứng dụng công nghệ cao và phát triển liên kết.

5. Về xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Bộ NN&PTNT đã và đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng thương hiệu một số mặt hàng chủ lực: gạo, cà phê, cá tra và tôm; hướng dẫn xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm đặc sản của địa phương, nhằm bảo hộ và đăng ký thương hiệu nông sản Việt Nam, kết quả cụ thể như sau:

- Ở cấp Trung ương, đến nay, một số thương hiệu nông sản xuất khẩu có giá trị cao và đảm bảo được tính liên kết theo chuỗi của mặt hàng từ sản xuất đến tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất nguồn gốc hàng hóa đã được triển khai hoặc đang trong quá trình xây dựng như:

Thương hiệu quốc gia Gạo Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu GẠO VIỆT NAM/VIETNAM RICE; tổ chức công bố Logo thương hiệu quốc gia gạo Việt Nam và ban hành Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận quốc gia Gạo Việt Nam; đang tích cực chỉ đạo hoàn thành hồ sơ đăng ký nhãn hiệu quốc tế theo hệ thống Madrid.

Chương trình xây dựng Thương hiệu cà phê chất lượng cao, Thương hiệu các mặt hàng thủy sản (tôm, cá tra) đang được chỉ đạo triển khai một cách quyết liệt; các đơn vị chuyên môn đang khẩn trương xây dựng thương hiệu đối với các mặt hàng này.

Trong thời gian tới, Bộ NN&PTNT sẽ tiếp tục chỉ đạo xây dựng thương hiệu các mặt hàng nông sản chủ lực khác của ngành nông nghiệp, tích hợp một số chương trình đã triển khai từ trước đó nhằm tạo sự lan tỏa và ảnh hưởng tích cực trên thị trường quốc tế như: Lúa gạo, Thịt, Thủy sản, Rau quả, Mía đường, Cà phê, Chè, Hạt điều, Hồ tiêu, Cao su, Dừa, Gõ và các sản phẩm gỗ.

6. Hoàn thiện quy định về quản lý phân bón.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 về quản lý phân bón và Nghị định số 55/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón. Để triển khai thi hành Luật Trồng trọt và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều (thay thế Nghị định số 108/2017/NĐ-CP) theo hướng ưu tiên, hỗ trợ tối đa cho phát triển phân bón hữu cơ.

7. Về phát triển sản xuất phân hữu cơ.

Đến nay, số lượng phân bón hữu cơ đã được công nhận lưu hành ở Việt Nam là 2.487 sản phẩm, tăng lên 3,5 lần so với thời điểm tháng 12/2017. So với tổng số lượng phân bón được công nhận lưu hành ở Việt Nam, hiện nay số lượng phân bón hữu cơ đã chiếm 11,6% (trong khi tháng 12/2017 chỉ chiếm 5%). Bộ NN&PTNT cũng đã xây dựng và đang triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển phân bón hữu cơ, trong đó có nội dung phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam, Hiệp hội phân bón Việt Nam về phát triển phân bón hữu cơ; ký cam kết với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân bón nhằm tăng cường sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ trong thời gian tới để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, an toàn, giá trị cao. Đẩy mạnh sản xuất phân bón hữu cơ cả trên quy mô nông hộ, khai thác nguồn phế phụ phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi, đồng thời phát triển phân bón hữu cơ công nghiệp, phấn đấu đến năm 2020 nâng sản lượng thực tế về sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ trong nước lên 3 triệu tấn/năm.

8. Về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Bộ NN&PTNT đã triển khai thực hiện các giải pháp sau:

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đăng ký thuốc BVTV, khuyến khích, ưu tiên đăng ký, sử dụng thuốc BVTV sinh học.

- Rà soát và loại bỏ các loại thuốc BVTV ra khỏi Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

- Tăng cường quản lý sử dụng thuốc BVTV an toàn và hiệu quả.

9. Về xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Trong 06 tháng đầu năm 2019, các cơ quan chức năng thuộc Bộ NN&PTNT đã tiến hành 47 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành với 216 đối tượng được thanh tra. Qua thanh tra phát hiện 102 đối tượng với nhiều hành vi vi phạm, xử phạt số tiền là trên 3,2 tỷ đồng. Công tác thanh tra, xử lý vi phạm nhìn chung phát huy được hiệu lực, hiệu quả do chuyên mạnh từ thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch sang thanh tra, kiểm tra đột xuất; tăng cường phối hợp thanh tra liên ngành...

10. Về hoạt động khai thác thủy sản.

a) Về rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định về quản lý hoạt động khai thác thủy sản; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật:

Để triển khai Luật Thủy sản năm 2017, Chính phủ đã ban hành các Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản, số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Bộ NN&PTNT đã ban hành các Thông tư: số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018, số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018, số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018, số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.

Bộ NN&PTNT đang tích cực phối hợp với các địa phương ven biển triển khai các giải pháp để khai thác hải sản bền vững, có trách nhiệm, nhất là chỉ đạo tăng cường chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU).

b) Về tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong điều tra, nghiên cứu, quản lý, khai thác nguồn lợi thủy sản:

Bộ NN&PTNT đang tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành, địa phương liên quan tổ chức điều tra, nghiên cứu, quản lý, khai thác nguồn lợi thủy sản trong khuôn khổ các dự án điều tra, đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển Việt Nam (Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi hải sản biển Việt Nam, thời gian thực hiện từ năm 2016 đến 2020; Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi thủy sản ven biển Việt Nam, thời gian thực hiện từ năm 2016 đến 2020; Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái ven biển Việt Nam, thời gian thực hiện từ năm 2016 đến 2020). Sau khi các dự án nêu trên kết thúc, kết quả dự án sẽ là cơ sở khoa học để định hướng quản lý nguồn lợi và phát triển các hoạt động khai thác thủy sản một cách hiệu quả bền vững.

c) Về việc thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ và có giải pháp khắc phục kịp thời những bất cập, hạn chế, sớm hoàn thành chỉ tiêu đóng 2.284 tàu được phân bổ theo kế hoạch, bảo đảm chất lượng:

Sau 05 năm triển khai thực hiện, Nghị định 67/2014/NĐ-CP đã thực sự đi vào cuộc sống, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo ngư dân; mục tiêu hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được, số lượng tàu khai thác gần bờ giảm (13,2%), số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng (20,1%); tai nạn tàu cá giảm đáng kể; góp phần tích cực bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển; ngư dân yên tâm bám biển sản xuất, đời sống người dân được nâng lên, nhiều mô hình liên kết sản xuất trên biển đã hình thành và phát triển.

Để tháo gỡ những bất cập, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản. Thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 3602/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/8/2014 phân bổ số lượng tàu đóng mới cho các tỉnh, thành phố là 2.284 chiếc (*tàu khai thác là 2.079 chiếc, tàu dịch vụ hậu cần là 205 chiếc*). Tính đến 30/6/2019, theo báo cáo của các địa phương, cả nước đã có 1.032 tàu cá đã đi vào hoạt động (*862 tàu khai thác hải sản, 170 tàu dịch vụ hậu cần; trong đó: tàu vỏ thép là 362 chiếc, tàu vật liệu mới là 99 chiếc, tàu vỏ gỗ là 571 chiếc*); có 1.178 tàu đang được ngư dân ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng để đóng mới, nâng cấp (*1.058 tàu đóng mới và 120 tàu nâng cấp*).

II. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

1. Về thực hiện các giải pháp về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; chú trọng nêu gương người tốt, việc tốt, giáo dục đạo đức, lối sống, nhân cách, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã được triển khai thực hiện bao gồm:

- Xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”;

- Xây dựng môi trường văn hóa (quản lý và tổ chức lễ hội, đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang);

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc;

- Sáng tác văn học, nghệ thuật đa dạng, phong phú, nhiều màu sắc, phản ánh hiện thực mới của đất nước, góp phần tạo nên sức lan toả sâu rộng, có tác dụng tốt nâng cao trình độ thẩm mỹ, giáo dục, xây dựng con người mới;

- Nâng cao hiệu quả công tác thư viện và văn hóa đọc;

- Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục đời sống gia đình để xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách;

- Hoạt động thể thao gắn với phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam;

- Phối hợp liên ngành trong xây dựng con người Việt Nam (đưa di sản văn hóa vào trường học; triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; phát huy hiệu quả phối hợp giáo dục của 3 môi trường “gia đình - nhà trường - xã hội”...).

- Đào tạo đội ngũ cán bộ và tăng cường công tác nghiên cứu khoa học.

2. Đảm bảo thực hiện quy hoạch tổng thể, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, chú trọng các thiết chế tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất; đổi mới cơ chế, chính sách, phương thức hoạt động để phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế này. Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng các công trình văn hóa, thể thao.

a) *Thiết chế văn hóa cơ sở:*

Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở các cấp được quan tâm và cơ bản thực hiện tốt vai trò, chức năng hoạt động. Đến nay, cả nước có 69 thiết chế văn hoá cấp tỉnh (Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa-Thông tin, Trung tâm Thông tin Triển lãm, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật...); 651/713 quận, huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ khoảng 91%; 7.456/10.184 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao, đạt tỷ lệ 73,2% và có 75.996/101.732 thôn, bản... có Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ 74,7%.

Về đổi mới cơ chế phương thức hoạt động: Đến năm 2020 các thiết chế văn hóa thể thao từng bước hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện chính sách xã hội hóa một phần hoặc toàn bộ hoạt động. Đến năm 2030, 100% các thiết chế văn hóa thể thao hoạt động theo cơ chế tự chủ và thực hiện chính sách xã hội hóa.

b) *Thiết chế thể thao:*

Đến nay, cơ bản các tỉnh, thành phố có ít nhất ba công trình thể thao cơ bản cấp tỉnh (sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi) để phục vụ việc tập luyện thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe cho quần chúng nhân dân và đào tạo lực lượng vận động viên đỉnh cao.

Về đổi mới cơ chế, phương thức thực hiện: các tổ chức, cá nhân được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, khai thác các công trình thể thao phục vụ hoạt động thể dục, thể thao quần chúng; trẻ em, học sinh, sinh viên, người cao tuổi,

người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn, giảm giá vé, giá sử dụng dịch vụ luyện tập thể dục, thể thao tại các cơ sở thể thao công lập; ...

3. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, phát huy giá trị của di sản văn hóa, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội.

Từ năm 2001 đến nay, Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa và Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa đã hỗ trợ trực tiếp cho các địa phương trên cả nước chống xuống cấp và tu bổ di tích. Năm 2017, đã phân bổ 47,8 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa về các địa phương để hỗ trợ chống xuống cấp 78 di tích. Năm 2018, đã phân bổ 53,5 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa về các địa phương để hỗ trợ chống xuống cấp 101 di tích. Nhiều di tích sau khi được chống xuống cấp và tu bổ, tôn tạo đã được chính quyền các cấp cùng với cộng đồng quản lý và phát huy giá trị có hiệu quả, phục vụ thiết thực nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng địa phương.

Bên cạnh nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, chính quyền địa phương các cấp đã chủ động trích lại một phần nguồn thu từ bán vé tham quan di tích và cân đối ngân sách địa phương, có cơ chế, chính sách phù hợp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để phục vụ việc tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích trên địa bàn. Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích đã đạt được hiệu quả tích cực, huy động được nguồn vốn không nhỏ từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng và nguồn vốn viện trợ của UNESCO, các tổ chức Chính phủ, phi chính phủ cho bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích. Theo số liệu thống kê từ các địa phương, giai đoạn 2010-2018, nguồn xã hội hóa cho tu bổ, tôn tạo di tích lên tới hàng ngàn tỷ đồng.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hoá dân tộc.

Việc trùng tu di tích được Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, đi vào nền nếp, bảo đảm tuân thủ theo pháp luật, giữ gìn được bản sắc văn hoá của dân tộc. Nhiều di tích sau khi được chống xuống cấp và tu bổ, tôn tạo đã được chính quyền các cấp cùng với cộng đồng quản lý và phát huy giá trị có hiệu quả, phục vụ thiết thực nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng địa phương.

Đến nay, đã có 62.581 di sản văn hóa phi vật thể của 63 tỉnh/thành được kiểm kê, 12 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh, 301 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (trong đó có 114 lễ hội truyền thống, 05 di sản Tiếng nói, chữ viết, 07 di sản Tri thức dân gian, 04 di sản Ngữ văn dân gian, 72 di sản Nghệ thuật trình diễn dân gian, 67 di sản Tập quán xã hội và tín ngưỡng, 32 di sản Nghề thủ công truyền thống). Các địa phương có di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh và di sản được đưa vào Danh mục quốc gia chủ động xây dựng và triển khai các đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) đã chỉ đạo các địa phương gắn kết hoạt động khai thác, phát huy giá trị với tăng cường bảo vệ di

sản văn hóa, góp phần phát triển du lịch. Theo thống kê năm 2018, riêng 08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đã đón khoảng 18 triệu lượt khách (trong đó có hơn 8,5 triệu lượt khách quốc tế), doanh thu từ vé tham quan và phí dịch vụ trực tiếp ước đạt khoảng 2.781 tỷ đồng.

5. Xây dựng kế hoạch giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc thiểu số.

Các di tích vùng dân tộc thiểu số luôn được quan tâm nhận diện giá trị, kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng, ghi danh ở trong nước và quốc tế. Trong số 105 di tích quốc gia đặc biệt của cả nước, có nhiều di tích, danh thắng của các dân tộc thiểu số. Chỉ tính riêng từ 2016-2018, đã có 04 di tích liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 08 di tích được xếp hạng di tích quốc gia. Có 03 di tích quốc gia đặc biệt liên quan đến đồng bào dân tộc được xếp hạng; 08 di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh liên quan đến đồng bào dân tộc được xếp hạng di tích quốc gia.

Thông qua Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa (năm 2016-2018), Bộ VH-TT-DL đã hỗ trợ 54/63 tỉnh/thành có đồng bào dân tộc thiểu số để tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp cho 192 di tích đã được xếp hạng quốc gia đặc biệt và quốc gia, với tổng kinh phí 105,1 tỷ đồng.

Có 149 di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số (trên tổng số 301 di sản văn hóa phi vật thể của cả nước) đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Trong số 12 di sản văn hóa phi vật thể dự kiến trình UNESCO ghi danh tới đây có 07 di sản của các dân tộc thiểu số. 36 di sản của các tỉnh/thành: Bắc Kạn, Đà Nẵng, Lào Cai, Hà Giang, Sóc Trăng, Khánh Hòa đã xây dựng và phê duyệt Đề án nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia trên địa bàn tỉnh/thành.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong các hoạt động văn hóa, đặc biệt là tổ chức lễ hội, hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

Từ năm 2017 đến nay, Bộ VH-TT-DL đã chỉ đạo lực lượng Thanh tra trên toàn quốc triển khai đồng bộ, có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Cụ thể, năm 2017, toàn ngành đã thanh tra, kiểm tra 12.485 tổ chức, cá nhân, phát hiện 2.436 tổ chức, cá nhân vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 16 tỷ 100 triệu đồng; năm 2018, toàn ngành đã thanh tra, kiểm tra 11.320 tổ chức, cá nhân, phát hiện 2.122 tổ chức, cá nhân vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 14 tỷ 125 triệu đồng; 9 tháng đầu năm 2019, toàn ngành đã thanh tra, kiểm tra 9.647 tổ chức, cá nhân, phát hiện 1.250 tổ chức, cá nhân vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 15 tỷ 628 triệu đồng. Việc xử lý kịp thời, kiên quyết đối với những vi phạm xảy ra trong lĩnh vực quản lý của ngành đã góp phần chấn chỉnh, tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch.

7. Khẩn trương rà soát, sớm sửa đổi các quy định về việc quản lý tác phẩm, cấp phép biểu diễn nghệ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển, cải cách hành chính và phù hợp với thực tiễn.

Bộ VH TTDL chỉ đạo các cơ quan chức năng thường xuyên, tăng cường giám sát, kiểm tra các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đảm bảo các hoạt động nghệ thuật biểu diễn và hoạt động thi người đẹp, người mẫu được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật, cấp phép, quản lý tác phẩm cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước, Chính phủ đang nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn thay thế Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và Nghị định 15/2016/NĐ-CP.

8. Ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện các giải pháp sớm đưa Luật Du lịch vào cuộc sống để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Chính phủ đã ban hành các Nghị định: số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch năm 2017; số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 về sửa đổi một số quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VH TTDL; số 45/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch. Bộ VH TTDL đã ban hành Thông tư số 06/2017/TT-BVH TTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch năm 2017.

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đề án quan trọng: Quyết định số 49/2018/QĐ-TTg ngày 12/12/2018 về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 phê Đề án cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn; Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 phê duyệt Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025.

9. Quản lý chặt chẽ, tăng cường kiểm tra, giám sát, phát huy sự tham gia của nhân dân, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch đảm bảo việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch đúng quy định của pháp luật.

Quá trình lập, thẩm định quy hoạch, Bộ VH TTDL luôn thực hiện xin ý kiến rộng rãi các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng theo đúng quy định của pháp luật, thông qua nhiều hình thức như: hội thảo, tọa đàm, gửi xin ý kiến bằng văn bản. Các ý kiến đều được cầu thị xem xét, tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện trước khi thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch luôn được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Du lịch năm 2005 và Luật Du lịch năm 2017, Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và các quy định pháp luật có liên quan.

10. Chú trọng liên kết vùng trong khai thác, phát triển du lịch.

Các định hướng và giải pháp về liên kết vùng trong khai thác, phát triển du lịch đã được chú trọng trong Chiến lược, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam với 07 vùng du lịch (Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc; Vùng Bắc Trung Bộ; Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; Vùng Tây nguyên; Vùng Đông Nam Bộ; Vùng Đồng bằng sông Cửu Long) với các giải pháp liên kết, phát triển du lịch giữa các địa phương trong vùng. Bộ VHTTDL cũng đã chỉ đạo xây dựng các đề án phát triển sản phẩm du lịch đặc thù các vùng du lịch.

Việc định hướng phát triển sản phẩm du lịch gắn với thu hút đầu tư tập trung, đồng bộ đã góp phần hình thành các vùng động lực phát triển như Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình, Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam, Khánh Hòa - Lâm Đồng, Bình Thuận - Bà Rịa Vũng Tàu - thành phố Hồ Chí Minh... Năm 2017, Ngành du lịch đã hoàn thiện đề án xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù vùng Đông Nam Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Một số hoạt động liên kết như liên kết vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, Tây Bắc, Duyên hải miền Trung, hoặc theo chủ đề du lịch về nguồn liên kết giữa Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai, liên kết 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng hoặc liên kết theo sản phẩm như giữa Đà Nẵng - Quảng Nam - Thừa Thiên Huế; Liên kết 4 tỉnh Bắc Trung Bộ: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình đang có chiều hướng tích cực. Việc liên kết hỗ trợ nhau phát triển giữa các địa phương đã được quan tâm hơn, triển khai đồng bộ và thiết thực hơn; góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa đối với các địa phương lân cận.

III. Lĩnh vực y tế.

1. Về nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt là chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, Bộ Y tế tiếp tục thực hiện và chỉ đạo thực hiện các biện pháp sau:

- Cắt giảm những thủ tục hành chính không cần thiết, tổ chức hợp lý các phòng tiếp nhận bệnh nhân, phòng thu phí, phòng phát thuốc, phòng khám, các phòng thực hiện cận lâm sàng theo hệ thống một cửa, góp phần giảm thời gian chờ đợi của người bệnh; ứng dụng hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật trong phòng bệnh, chữa bệnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh, giám định và đổi mới phương thức thanh toán bảo hiểm y tế để rút ngắn thời gian thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Tập trung thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng bệnh viện theo quy định tại Thông tư số 43/2018/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Quyết định số 7482/QĐ-BYT ngày 18/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 2151/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về Kế hoạch Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; các Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Y tế về cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh.

- Tích cực nâng cao chất lượng hoạt động lâm sàng và thực hiện theo đúng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; xử lý kịp thời các thông tin phản hồi của người dân về dịch vụ y tế; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ y tế và tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ trong điều trị.

2. Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế:

Bộ Y tế tiếp tục triển khai hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện đổi mới toàn diện ngành Y tế, đặc biệt là đổi mới về thái độ, phong cách phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh, xây dựng cơ sở y tế “Xanh-sạch-đẹp”.

Báo cáo Chỉ số PAPI công bố năm 2019 cho thấy chỉ số hài lòng của người dân về y tế công lập tăng từ 1,92 năm 2017 lên 1,96 năm 2018 (thang điểm 2,5); chỉ số 0,4% số người sử dụng dịch vụ y tế của bệnh viện công tuyến huyện phải lót tay nhân viên y tế để được chăm sóc tốt hơn (năm 2016 là 17%, năm 2017 là 9%).

Khảo sát của Tổ chức Sáng kiến Việt Nam, Oxfam cho thấy chỉ số hài lòng người bệnh nội trú năm 2018 đạt 80,8%, tăng so với năm 2017 (79,6%), đạt chỉ tiêu Chính phủ giao cho ngành Y tế vào năm 2020 (mức >80%).

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát: Bộ Y tế tiếp tục hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức kiểm tra, chấm điểm, đánh giá việc triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá bệnh viện; Đề án “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” và Hướng dẫn triển khai cơ sở y tế “Xanh-Sạch-Đẹp”.

3. Tiếp tục thực hiện lộ trình thông tuyến khám bệnh, chữa bệnh.

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật: Bộ Y tế đã ban hành các Thông tư: số 09/2019/TT-BYT ngày 10/6/2019 hướng dẫn thẩm định điều kiện ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, chuyển thực hiện dịch vụ cận lâm sàng và một số trường hợp thanh toán trực tiếp chi phí trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; số 40/2014/TT-BYT ngày 16/11/2014 về đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; số 39/2018/TT-BYT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 sửa đổi bổ sung Thông tư số 39/2018/TT-BYT quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.

- Tăng cường hoạt động truyền thông: Bộ Y tế liên tục và thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến quy định này cho cả người tham gia bảo hiểm y tế và cơ sở khám chữa bệnh.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tuyến y tế cơ sở: Bộ Y tế đang triển khai thí điểm việc xây dựng mô hình trạm y tế xã điểm dựa trên nguyên lý y học gia đình. Trên cơ sở kết quả thí điểm, Bộ Y tế sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể đối với từng trạm y tế về các nội dung xây dựng Mô

hình điểm. Hoàn thiện Đề án: “Tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã, phường giai đoạn 2019 – 2025”, với mục tiêu là nâng cao chất lượng chuyên môn tại y tế xã, phường tạo tiền đề cho việc tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Bộ Y tế đã thực hiện đồng bộ các giải pháp như đầu tư cơ sở hạ tầng, nhân lực, hiện cả nước có 11.400 trạm y tế xã bao gồm cả mạng lưới y tế thôn bản; gần 99% xã, phường và thị trấn đã có nhà trạm; 87,5 % trạm có bác sỹ khám chữa bệnh; 97% có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi; gần 75% thôn, bản, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động, trong đó ở nông thôn, miền núi là 96%.

- Ứng dụng công nghệ thông tin: Bộ Y tế đã ban hành Mô hình kiến trúc tổng thể làm cơ sở triển khai việc đầu tư, phát triển tin học hóa ngành Y tế bảo đảm tính khoa học, thực tiễn và thống nhất; chỉ tiêu đầu ra dữ liệu của phần mềm quản lý cơ sở khám chữa bệnh; xây dựng và thường xuyên cập nhật Bộ mã danh mục dùng chung (về dịch vụ kỹ thuật, vật tư, thuốc tân dược, thuốc y học cổ truyền ...); sử dụng Cổng dữ liệu y tế để quản lý dữ liệu khám chữa bệnh nhằm tổng hợp, phân tích, thống kê dữ liệu khám chữa bệnh trên toàn quốc, không để người bệnh nằm ghép từ 2 người trở lên sau 24 hoặc 48 giờ nhập viện.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện thông tuyến khám chữa bệnh. Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 15/2018/TT-BYT ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế nhằm điều chỉnh giá một số dịch vụ kỹ thuật cho phù hợp hơn với thực tế khám chữa bệnh ở các tuyến. Văn bản này là cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện thông tuyến khám chữa bệnh ở các địa phương.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc liên thông kết quả xét nghiệm: Bộ Y tế tiếp tục thực hiện Quyết định số 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường năng lực hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016 - 2025, đến nay đã thực hiện liên thông đối với các phòng xét nghiệm đạt ISO 15189. Bộ Y tế đã hướng dẫn áp dụng liên thông, công nhận đối với các xét nghiệm có trong danh mục và đã được công nhận chất lượng. Trong năm 2018, đã triển khai đánh giá mức chất lượng xét nghiệm của 28 bệnh viện trực thuộc Bộ, làm căn cứ để xét liên thông kết quả xét nghiệm giữa các bệnh viện.

4. Giải pháp huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước cho y tế.

a) Vay vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: Theo báo cáo của các Ngân hàng, đến nay các dự án đã đăng ký nhu cầu vay vốn tín dụng khoảng 46.000 tỷ đồng; số vốn đã giải ngân đến nay cho các dự án khoảng hơn 6.500 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các cơ sở y tế đã chủ động vay Quỹ đầu tư phát triển của các tỉnh/thành phố với hỗ trợ lãi suất để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

b) Tăng cường thu hút các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP): Bộ Y tế đang hoàn thiện Thông tư hướng dẫn về thực hiện PPP trong ngành Y tế với các nội dung phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức PPP. Trong thời gian vừa qua, Bộ Y tế và các địa phương đã nghiên cứu, xây dựng các mô hình đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực y tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hiện nay đã có một số dự án PPP đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án, trong đó có

một số dự án PPP đầu tư trên đất của các cơ sở y tế công lập và nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng bệnh viện.

c) Thực hiện thuê tài sản, sử dụng tài sản để liên doanh, liên kết theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật để các đơn vị có trang thiết bị phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả chẩn đoán và điều trị, phát hiện sớm, chính xác bệnh tật, giảm tỷ lệ tử vong. Nhờ phương thức này, nhiều dịch vụ kỹ thuật cao đã được triển khai như chuẩn đoán hình ảnh (MRI, CT Scan, siêu âm), xét nghiệm, nội soi, chẩn đoán và can thiệp,... giúp phát triển kỹ thuật tại các bệnh viện.

d) Xây dựng cơ chế chính sách phát triển y tế tư nhân, cho phép hợp tác công tư về nhân lực, thương hiệu nhằm đẩy mạnh sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực y tế.

đ) Tiếp tục xây dựng các dự án để huy động các nguồn vốn ngoài nước (ODA) cho y tế. Trong thời gian vừa qua, đã và đang xây dựng các Dự án như: Dự án vay vốn WB, ADB để đầu tư cho y tế cơ sở các tỉnh miền núi, khó khăn; Dự án vay vốn của Chính phủ Nhật Bản để đầu tư xây dựng bệnh viện Chợ rẫy 2; vay vốn ADB đầu tư cơ sở 2 của Đại học Y dược TP HCM, Trường Đại học Y Hà Nội; vay vốn Hàn Quốc đầu tư cơ sở 2 của Trường Đại học Dược Hà Nội, đầu tư cho một số bệnh viện tỉnh, huyện. Trong thời gian tới sẽ tập trung vào các dự án mà các bệnh viện vay lại toàn bộ hoặc một phần để giảm gánh nặng nợ công và trả nợ của Chính phủ.

5. Đổi mới phương thức quản lý, cơ chế tài chính cho các bệnh viện.

Chính phủ đã trình Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành TW khóa XII ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và đang chỉ đạo nghiên cứu đổi mới cơ chế tài chính, giá dịch vụ y tế, phương thức quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế.

6. Về tổ chức, hoạt động của y tế cơ sở.

Sau hơn một năm triển khai thực hiện Hướng dẫn số 1383/HD-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về triển khai Mô hình điểm tại 26 trạm y tế xã, phường, thị trấn, đến nay hầu hết các trạm y tế tham gia mô hình điểm đã có những thay đổi căn bản về cơ sở vật chất, trang thiết bị, và các hoạt động của trạm. Cán bộ y tế của trạm y tế xã đã được tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực về chuyên môn và quản lý. Các trạm y tế xã đã và đang từng bước tiến hành lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân của người dân trên địa bàn.

7. Về tài chính, huy động nguồn lực cho y tế cơ sở.

- Các trạm y tế được ngân sách nhà nước bảo đảm tiền lương và kinh phí hoạt động theo định mức phân bổ ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

- Hiện nay, Bộ Y tế đang nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với trung tâm y tế huyện, hướng

dẫn phân bổ ngân sách cho y tế xã, xây dựng các gói dịch vụ do ngân sách chi trả cho tuyến xã để tiến tới thực hiện khoán kinh phí cho trạm y tế xã.

- Tích cực kêu gọi các tổ chức quốc tế, tư nhân... tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

8. Về thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược; chất lượng dược liệu và nguồn dược liệu trong nước.

a) Về hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

Bộ Y tế đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật dược số 105/2016/QH3, bao gồm cả nội dung tập trung phát triển nguồn dược liệu trong nước và kiểm soát chất lượng dược liệu. Trong năm 2018, Bộ Y tế đã ban hành thêm 08 Thông tư hướng dẫn thực hiện nội dung này.

b) Về kiểm soát chất lượng nguồn dược liệu:

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc cổ truyền, trong thời gian vừa qua, Bộ Y tế đã tích cực phối hợp với các cơ quan có liên quan như cơ quan Công an, Quản lý thị trường, Ban chỉ đạo phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại Quốc gia (Ban chỉ đạo 389),... trong công tác kiểm tra chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền lưu hành trên thị trường và trong các cơ sở khám chữa bệnh.

c) Về tăng cường phát huy nguồn dược liệu trong nước:

- Một số đề án, dự án đã và đang được triển khai xây dựng như: Đề án tổng thể xây dựng Bộ dược liệu chuẩn, dược liệu đối chiếu quốc gia và đang thực hiện xây dựng 20 dược liệu chuẩn, Trung tâm thông tin và thư viện điện tử về dược liệu; Trung tâm nghiên cứu nguồn gen và giống dược liệu Quốc gia; Đề án hệ thống vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc quốc gia.

- Đã cơ bản hình thành các vùng trồng ở các địa phương: Diệp hạ châu, Đinh lăng, Ích mẫu, Kim tiền thảo, Râu mèo, Sa nhân tím, Sâm ngọc linh, Trinh nữ hoàng cung, Ngưu tất... và các giống dược liệu nhập nội như: Actisô, Bạch chỉ, Bạch truật, Cát cánh, Đương quy, Ngưu tất.

- Bộ Y tế tiếp tục chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các tỉnh tích cực, chủ động thực hiện nuôi trồng dược liệu, nhằm phát huy thế mạnh về các dược liệu sẵn có của địa phương; tổ chức cấp phiếu tiếp nhận Bản công bố dược liệu sản xuất theo GACP-WHO cho 21 cây dược liệu; từng bước khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện nuôi trồng, sản xuất dược liệu theo GACP – WHO để đảm bảo nguồn dược liệu phục vụ cho sản xuất có chất lượng tốt.

9. Về công tác quản lý giá thuốc và đấu thầu thuốc.

Triển khai quy định quản lý giá thuốc tại Luật dược năm 2016 và Luật giá năm 2012, Bộ Y tế đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý giá thuốc, cụ thể:

- Đối với thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của bệnh nhân nội trú do nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế, nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở y tế công lập được quản lý thông qua đấu thầu.

- Đối với thuốc biệt dược gốc, thuốc còn bảo hộ và những thuốc có nguy cơ độc quyền có 1-2 cơ sở sản xuất, thực hiện cơ chế quản lý giá thuốc bằng hình thức đàm phán giá thuốc.

- Đối với thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của bệnh nhân ngoại trú, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 đã sửa đổi quy định thống nhất mức thặng số bán lẻ của nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện công lập (2%-15%) tùy theo giá trị thuốc mua vào tính theo đơn vị đóng gói nhỏ nhất và quản lý danh mục thuốc, giá mua vào tại cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập theo danh mục, giá trúng thầu của chính cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và của các cơ sở y tế tuyến tỉnh trở lên.

- Đối với thuốc lưu hành trên thị trường, hiện trên cả nước có khoảng trên 63 nghìn cơ sở bán lẻ thuốc cạnh tranh mạnh mẽ theo cơ chế thị trường, các cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc phải thực hiện công khai minh bạch giá thuốc bằng hình thức kê khai, niêm yết giá tại nơi bán thuốc theo quy định tại Luật dược. Giá bán buôn thuốc được công khai, minh bạch thông qua quy định về kê khai, kê khai lại và công bố công khai trên trang thông tin điện tử. Hệ thống thanh tra y tế tổ chức các đoàn thanh tra theo kế hoạch và đột xuất việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc và các cơ sở vi phạm bị phát hiện sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định.

10. Về công tác quản lý chất lượng thuốc.

a) Các giải pháp đã được thực hiện trong thời gian qua:

- Tăng cường hoạt động tiền kiểm và hậu kiểm trong quản lý chất lượng thuốc và kiểm soát tình trạng thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Hệ thống văn bản liên quan đến công tác quản lý chất lượng thuốc

- Đẩy mạnh việc triển khai công tác tiêu chuẩn hóa

- Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra: việc xử lý các cơ sở vi phạm đã và đang được thực hiện nghiêm khắc.

b) Một số kết quả đạt được:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý chất lượng thuốc được xây dựng, ban hành và triển khai áp dụng.

- Hệ thống kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc được thiết lập, đáp ứng tiêu chuẩn Thực hành tốt trên cơ sở các tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và của các tổ chức quốc tế, các khu vực (GMP, GLP, GSP, GDP, GPP)

- Tính trên số mẫu thuốc lấy để kiểm tra chất lượng, tỷ lệ thuốc kém chất lượng của Việt Nam chiếm khoảng 02% và có xu hướng giảm, từ năm 2013 đến 2018 lần lượt là: 2,54%, 2,38%, 2,00%, 1,98%, 1,59% và 1,40%.

IV. Lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

1. Hoàn thiện khung pháp lý, triển khai mở rộng các hình thức đầu tư để huy động từ khu vực tư nhân.

a) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp:

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp luôn là một trong những mục tiêu ưu tiên của Chính phủ. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì soạn thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) và Luật doanh nghiệp (sửa đổi) theo hướng tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bảo vệ nhà đầu tư, thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong Luật Đầu tư (sửa đổi) dự kiến bãi bỏ 22 ngành nghề; sửa đổi 4 ngành nghề và bổ sung 3 ngành nghề. Các bộ, ngành đã trình ban hành 29 văn bản quy phạm pháp luật để chính thức cắt giảm 3.425/6.191 điều kiện kinh doanh.

b) Về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Thời gian qua, với tinh thần kiên tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành nhiều quyết sách nhằm thúc đẩy mạnh mẽ cải cách môi trường đầu tư kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp. Về cơ bản, các Bộ ngành và địa phương đang tích cực triển khai các nhiệm vụ Chính phủ giao, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, trong đó tập trung vào những nhóm giải pháp nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn tín dụng, mặt bằng sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường; giảm chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; cắt giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện các quy trình thủ tục, triển khai cơ chế một cửa ...

Ngay sau khi Luật Hỗ trợ DNNVV được ban hành, Chính phủ đã ban hành đầy đủ 04 Nghị định liên quan để triển khai Luật, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 về tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV.

c) Hoàn thiện thể chế hình thức đầu tư hợp tác công - tư:

Dự kiến Dự án Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư sẽ được Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020).

2. Chính sách đẩy mạnh đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng chịu nhiều thiệt hại do biến đổi khí hậu, ưu tiên nguồn vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội.

a) Về xây dựng chính sách đầu tư vùng nông thôn, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, vùng miền núi:

Chính sách đầu tư vùng nông thôn, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, vùng miền núi trong thời gian qua đã được lồng ghép trong nhiều chính sách tổng thể kinh tế - xã hội như:

- Các Nghị quyết của Quốc hội số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 71/2018/NQ-

8/2019, số doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử đạt 99,48% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

Về nộp thuế điện tử, cơ quan thuế đã hoàn thành kết nối nộp thuế điện tử với 51 Ngân hàng thương mại. 63/63 Cục Thuế đã triển khai dịch vụ Nộp thuế điện tử và tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ. Tính đến tháng 8/2019, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế đạt tỷ lệ 99%. Số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng chiếm tỷ lệ 98% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

Về hoàn thuế điện tử, từ ngày 04/08/2017, đã được mở rộng triển khai tại 63 tỉnh, Thành phố. Tính từ ngày 01/01/2019 đến 19/8/2019, tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 6.726 trên tổng số 7.167 doanh nghiệp hoàn thuế đạt tỷ lệ 93,8%; số hồ sơ tiếp nhận là 15.388 hồ sơ trên tổng số 16.068 hồ sơ đạt tỷ lệ 95,76%; tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 11.547 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là hơn 71.527 tỷ đồng.

Về thí điểm triển khai hóa đơn điện tử, tổ chức hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng. Tính từ thời điểm triển khai đến ngày 19/8/2019 có 255 doanh nghiệp đang tham gia thí điểm sử dụng hệ thống hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, có 825.078 hóa đơn đã được xác thực, tổng doanh thu xác thực là hơn 19.359 tỷ đồng, tổng số thuế đã xác thực là hơn 1.689 tỷ đồng.

Về khai thuế theo phương thức điện tử đối với hoạt động cho thuê nhà, chuyển nhượng bất động sản của người nộp thuế không phải là doanh nghiệp: Tổng cục Thuế đã hoàn thành xây dựng căn cứ pháp lý, qui trình và ứng dụng CNTT để triển khai trên phạm vi toàn quốc; Đã tổ chức tập huấn và triển khai có 46 Cục Thuế và các Chi cục Thuế trực thuộc. Trong thời gian tới, tiếp tục tập huấn và triển khai cho 17 Cục thuế còn lại.

Về thí điểm khai, nộp thuế điện tử lệ phí trước bạ (LPTB) đối với ô tô, xe máy, Tổng cục Thuế đã ban hành Bảng tính giá lệ phí trước bạ ô tô, xe máy thực hiện thống nhất trong cả nước và chỉ đạo cơ quan thuế các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Phối hợp với cơ quan Đăng kiểm thực hiện kết nối dữ liệu điện tử về ô tô, xe máy liên quan đến khai lệ phí trước bạ điện tử tại địa bàn thành phố Hà Nội.

Tiếp tục triển khai thí điểm, mở rộng thực hiện nộp thuế điện tử đối với cá nhân kinh doanh thông qua tổ chức nhận ủy nhiệm thu thuế (UNTT): Đến nay, đã có 309 Chi cục Thuế thuộc 29 Cục Thuế các tỉnh, thành phố tham gia thí điểm UNTT đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán.

b) Lĩnh vực hải quan:

- *Về cải cách, kiểm soát TTHC*:

Công tác cải cách TTHC tiếp tục được triển khai mạnh mẽ theo hướng tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp. Các đề xuất bãi bỏ thủ tục không cần thiết; cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; cắt giảm điều kiện kinh doanh lĩnh vực hải quan nhằm tiết kiệm chi phí cho cộng đồng doanh nghiệp

nhưng vẫn bảo đảm các yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan. Thực hiện đánh giá tác động của TTHC tại 05 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo (gồm 25 TTHC sửa đổi, bổ sung; 01 TTHC bị bãi bỏ); triển khai các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo lộ trình.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin:

Tập trung xây dựng Đề án tái thiết kế tổng thể hệ thống CNTT ngành Hải quan; tiếp tục triển khai Đề án đầu tư hệ thống seal định vị điện tử phục vụ công tác giám sát đối với hàng hóa chịu sự giám sát hải quan vận chuyển bằng container; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến và mở rộng thực hiện thanh toán điện tử. Đến ngày 31/8/2019, số ngân hàng phối hợp thu với Tổng cục Hải quan là 40 ngân hàng. Số thuế thu được từ phương thức điện tử chiếm 94% số thu ngân sách của ngành hải quan.

Tiếp tục triển khai Hệ thống quản lý hàng hóa tự động (VASSCM) tại các cảng biển; Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống CNTT phục vụ quản lý nhà nước về hải quan; Đảm bảo vận hành các hệ thống CNTT ngành Hải quan hoạt động ổn định, an ninh, an toàn đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ hải quan.

2. Triển khai Cơ chế một cửa Quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN.

a) Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia:

Tính đến ngày 15/8/2019, đã có 13 Bộ, ngành tham gia kết nối; 174 thủ tục hành chính được đưa lên Cơ chế một cửa quốc gia với tổng số hồ sơ hành chính đã được xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia xấp xỉ 2,34 triệu bộ hồ sơ và trên 31,8 nghìn doanh nghiệp tham gia (riêng từ 01/01-15/8/2019, số hồ sơ đã được xử lý gần 608,8 nghìn bộ hồ sơ của hơn 5,45 nghìn doanh nghiệp tham gia). Hiện nay, Bộ Tài chính đang phối hợp với các Bộ, ngành để chuẩn bị triển khai mới 61 TTHC trên Cơ chế một cửa quốc gia trong năm 2019; phối hợp với Bộ Công an tập trung triển khai Cơ chế một cửa đường hàng không; triển khai mở rộng hệ thống quản lý giám sát hàng hóa đường hàng không trong thời gian tới.

b) Triển khai Cơ chế một cửa ASEAN:

Bộ Tài chính đã chỉ đạo triển khai các công việc sau:

- Trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D bản điện tử (e-C/O form D) với 06 nước ASEAN: Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Brunei, Campuchia. Kết quả đến ngày 15/8/2019: tổng số C/O gửi từ Việt Nam sang các nước ASEAN là 166.243 C/O; tổng số C/O nhận từ các nước ASEAN về Việt Nam là 94.168 C/O.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để sẵn sàng trao đổi thông tin tờ khai hải quan ASEAN (với Indonesia và Thái Lan) và chứng nhận kiểm dịch thực vật (với Indonesia).

- Phối hợp với các Bộ, ngành tiến hành đàm phán để hoàn thiện các Nghị định thư, thống nhất yêu cầu kỹ thuật và xây dựng hệ thống để trao đổi thông tin

tờ khai hải quan, chứng nhận xuất xứ với Liên minh kinh tế Á - Âu; đàm phán để trao đổi thông tin C/O điện tử với Hàn Quốc.

3. Triển khai thực hiện các giải pháp để thu đúng, thu đủ, bảo đảm huy động đầy đủ nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

(1) Ngay từ đầu năm, Bộ Tài chính đã chỉ đạo rà soát lại kết quả thực hiện thu năm trước và đánh giá lại toàn bộ các nguồn thu trên từng địa bàn theo từng khoản thu, sắc thuế để giao chỉ tiêu phân đầu thu và chỉ đạo các Cục Thuế, Cục Hải quan tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu NSNN nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu NSNN và NSTW.

(2) Thực hiện rà soát các khoản thu trên địa bàn đảm bảo đánh giá đúng nguồn thu, tránh thu sót, hoặc đánh giá chưa phù hợp.

(3) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Nghiên cứu xây dựng chương trình tuyên truyền chính sách pháp luật thuế có hiệu quả giúp người nộp thuế hiểu được chính sách thuế để nộp đúng, nộp đủ.

(4) Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, kê khai thuế của người nộp thuế, đảm bảo đúng đối tượng, chính sách pháp luật. Quản lý chặt chẽ chi hoàn thuế GTGT.

(5) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo phương pháp quản lý rủi ro tại trụ sở Người nộp thuế.

(6) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, công tác kiểm tra sau thông quan, kiểm tra chặt chẽ hoạt động tạm nhập, tái xuất xử lý nghiêm hành vi trốn thuế, gian lận. Phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp ngay từ khâu đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư đến xuất bán hàng hóa, sản phẩm để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống chuyển giá.

(7) Tăng cường kiểm tra các trường hợp giảm thuế, miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế; công tác kiểm tra sau thông quan, công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, chống buôn lậu gian lận thương mại; công tác kiểm soát, chống buôn lậu, gian lận thương mại, giá, thuế suất và quản lý rủi ro, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quản lý Nhà nước, chế độ chính sách, pháp luật để kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

(8) Rà soát, đổi mới công tác thu thuế đối với hộ kinh doanh theo hướng: chính sách thuế đơn giản; áp dụng điện tử trong quản lý tiền tới thu theo thực tế phát sinh – hạn chế thuế khoán; tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ; thực hiện các giải pháp khuyến khích hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.

(9) Triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý nợ thuế.

(10) Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BTC ngày 29/8/2019 về việc tăng cường công tác thu ngân sách phân đầu hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách và nhiệm vụ công tác quản lý thuế năm 2019 giao trách nhiệm cho cơ quan thuế các cấp thực hiện nghiêm túc các giải pháp thu ngân sách đã đề ra từ đầu năm, phân đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách năm

2019 đã được Quốc hội giao.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra.

a) Trong lĩnh vực thuế: Trong 08 tháng đầu năm 2019, toàn hệ thống thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra 55.701 doanh nghiệp và kiểm tra 279.881 hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế. Số tiền kiến nghị xử lý qua thanh tra, kiểm tra là 32.700 tỷ đồng, trong đó: số thuế tăng thu qua thanh tra, kiểm tra là 8.925 tỷ đồng, giảm khấu trừ là 1.382 tỷ đồng, giảm lỗ là 22.393 tỷ đồng.

b) Trong lĩnh vực hải quan: Từ đầu năm đến 15/8/2019, toàn ngành Hải quan đã tiến hành 196 cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó: 92 cuộc thanh tra chuyên ngành và 104 cuộc kiểm tra nội bộ. Qua đó, đã yêu cầu truy thu và xử phạt số tiền hơn 182,17 tỷ đồng (số thuế truy thu: hơn 159,16 tỷ đồng; xử phạt vi phạm hành chính: hơn 23 tỷ đồng). Đã đôn đốc thu nộp ngân sách Nhà nước gần 88,25 tỷ đồng.

5. Công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

a) Các biện pháp tổ chức thực hiện của ngành tài chính:

- Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan chức năng tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; chỉ đạo các đơn vị triển khai nghiêm túc, có hiệu quả nhiều biện pháp quan trọng, trong đó tập trung vào: xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý; nâng cao năng lực của lực lượng chuyên trách chống buôn lậu; đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại; sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên tại các địa bàn trọng điểm, mặt hàng nhạy cảm...

- Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống ma túy: Quyết liệt triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định số 424/QĐ-TTg ngày 07/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phòng, chống ma túy đến năm 2020 và Kế hoạch số 245/KH-UBQG-BCA ngày 18/8/2017 về Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy đến năm 2020. Tổng cục Hải quan đã chủ trì, phối hợp với các lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng lập và đấu tranh nhiều chuyên án, triệt phá thành công nhiều đường dây tội phạm ma túy xuyên quốc gia, phát hiện, bắt giữ nhiều vụ mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy trên các tuyến biên giới, cửa khẩu. Phát động tháng hành động, phòng chống ma túy năm 2019 và phối hợp với Cục Hải quan Hà Tĩnh tổ chức lễ mít tinh, tuyên truyền điều hành phòng chống ma túy năm 2019.

- Về công tác chống gian lận, giả mạo xuất xứ: Bộ Tài chính đã ban hành chương trình hành động thực hiện Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lừa tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”; ban hành Công văn hướng dẫn kiểm tra, xác định xuất xứ để nhằm ngăn chặn gian lận xuất xứ, chống chuyển tải bất hợp pháp; xây dựng kế hoạch điều tra xác minh một số doanh nghiệp có dấu hiệu giả mạo xuất xứ, ghi nhãn hàng hóa và chuyển tải bất hợp pháp.

b) Kết quả thực hiện:

Lũy kế từ ngày 16/12/2018 đến 15/8/2019, toàn ngành Hải quan đã chủ trì, phối hợp, phát hiện, bắt giữ tổng 11.770 vụ việc vi phạm trong lĩnh vực hải quan, trị giá hàng hóa vi phạm ước tính 2.037 tỷ; số thu NSNN đạt 217.891 triệu đồng; cơ quan Hải quan đã ban hành 26 quyết định khởi tố, chuyển cơ quan khác kiến nghị khởi tố 66 vụ.

6. Tình hình thu hồi nợ đọng thuế.

a) Tại cơ quan Thuế:

- Tổng số tiền thuế nợ thời điểm ngày 31/8/2019 là 82.770 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, tiền thuế nợ không còn khả năng thu hồi (của NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, đã tự giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh) là 39.111 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 47,3% tiền thuế nợ, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2018, tăng 4,1% so với thời điểm 31/12/2018.

- Trong 8 tháng đầu năm 2019, cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ tại thời điểm 31/12/2018 ước đạt 22.117 tỷ đồng, bằng 57,1% nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày tại thời điểm 31/12/2018, trong đó: bằng biện pháp quản lý nợ là 14.153 tỷ đồng; biện pháp cưỡng chế nợ là 7.964 tỷ đồng.

b) Tại cơ quan Hải quan:

- Tính đến ngày 31/08/2019, tổng số nợ thuế chuyên thu quá hạn của các lô hàng đã thông quan, giải phóng hàng của ngành hải quan được kết xuất trên hệ thống KTTT là 5.329,89 tỷ đồng, tăng 40,19 tỷ đồng, tương đương tăng 0,76 % so với năm 2018.

- Trong 08 tháng đầu năm 2019, toàn ngành Hải quan thu hồi và xử lý được 677,6 tỷ đồng, trong đó: thu hồi và xử lý nợ cũ (phát sinh trước 01/01/2019) là: 154,9 tỷ đồng; thu hồi và xử lý nợ phát sinh trong năm 2019 là: 522,7 tỷ đồng.

7. Đổi mới công tác thu thuế đối với hộ kinh doanh.

- Sửa đổi căn cứ pháp lý liên quan đến công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh làm cơ sở cho việc đổi mới công tác quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh tại Luật Quản lý thuế (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2019) theo hướng: Xây dựng căn cứ pháp lý bắt buộc các hộ kinh doanh quy mô lớn phải thực hiện sổ sách kế toán, nộp thuế theo kê khai - không áp dụng thuế khoán, áp dụng hóa đơn điện tử; bổ sung những nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu ngành thuế từ các Bộ, ban ngành phục vụ công tác kê khai, nộp thuế nhằm mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu, đảm bảo hành lang pháp lý cho việc triển khai ứng dụng CNTT trong toàn bộ các khâu của công tác quản lý thuế.

- Bên cạnh đó, tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 quy định về hóa đơn điện tử đã qui định về một số hộ kinh doanh thuộc đối tượng qui định phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhằm kiểm soát kịp thời việc sử dụng hóa đơn của hộ kinh

doanh phục vụ cho công tác quản lý theo rủi ro đối với cả người mua và người bán; cắt giảm chi phí về thủ tục hành chính, cũng như cắt giảm các chi phí về quản lý, sử dụng hóa đơn giấy.

- Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Đây là cơ sở để khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ đã được tăng cường, đổi mới phù hợp với mô hình, hình thức kinh doanh của lĩnh vực hộ, cá nhân kinh doanh, như: Xây dựng phóng sự, chuyên mục tuyên truyền về thuế đối với hộ kinh doanh trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức đối thoại giải đáp vướng mắc về thuế tại trụ sở cơ quan thuế, qua điện thoại, văn bản; phát tờ rơi, niêm yết thông tin tại trụ sở cơ quan thuế, trên website ngành thuế và các khu vực công cộng để thuận tiện cho sự tiếp cận của người dân, tăng cường sự minh bạch, giám sát của người dân trong việc thực hiện công vụ của cán bộ thuế;...

8. Về ban hành Nghị định về hóa đơn điện tử.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2018. Trong đó quy định thời hạn 24 tháng (từ ngày 01/11/2018 đến ngày 01/11/2020) để các doanh nghiệp chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất và con người để áp dụng hóa đơn điện tử. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 hướng dẫn Nghị định số 119/2018/NĐ-CP; đồng thời đang tích cực chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai thực hiện Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

9. Về nâng cao phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế, hải quan.

- Về tổ chức bộ máy:

Cơ quan Thuế và Hải quan tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tính đến tháng 8/2019, cơ quan thuế đã thực hiện sắp xếp 401 Chi cục thuế trực thuộc 61 Cục Thuế để thành lập 190 Chi cục Thuế khu vực, giảm 211 Chi cục Thuế (*Số Chi cục Thuế còn lại là 500 Chi cục Thuế*).

- Về quản lý cán bộ:

Ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; Tổ chức triển khai, rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Vụ, Cục và tương đương trở xuống giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026 trong toàn ngành; Xây dựng kế hoạch và triển khai luân chuyển, luân phiên, điều động cán bộ lãnh đạo cấp Vụ, Cục và tương đương năm 2019.

Tiếp tục tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính khi thi hành công vụ, xử lý kỷ luật nghiêm đối với công chức, người lao động có vi phạm và xem xét trách nhiệm lãnh đạo có liên quan. Quán triệt tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 05/CT-BTC ngày 07/11/2016 của Bộ Tài chính về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 về việc chấn chỉnh tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước. Các cán bộ, công chức quản lý thuế, hải quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính trong việc thực thu công vụ, phòng ngừa tham nhũng và không được gây phiền hà cho người nộp thuế.

- Công tác đào tạo:

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và các kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho cán bộ công chức có đủ trình độ nghiệp vụ để hướng dẫn doanh nghiệp về các vấn đề liên quan đến chính sách và các quy định của pháp luật về hải quan, đáp ứng yêu cầu cải cách, hội nhập; Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo năm 2019 đã đề ra.

10. Công tác quản lý nợ công.

a) Về triển khai thực hiện hiệu quả Luật quản lý nợ công (Luật QLNC):

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật QLNC: Ngay sau khi Luật QLNC được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2017, Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định hướng dẫn thi hành; đồng thời Bộ Tài chính ban hành 03 Thông tư và 01 Quyết định hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý nợ công, cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ, quản lý Quỹ tích lũy trả nợ. Các văn bản đều được ban hành và có hiệu lực đúng thời hạn có hiệu lực của Luật (1/7/2018), không để có khoảng trống pháp luật, giúp đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thực thi đối với Luật quản lý nợ công mới.

- Chủ động xây dựng kế hoạch thông tin tuyên truyền Luật và văn bản hướng dẫn thực hiện Luật quản lý nợ công và tổ chức thực hiện giới thiệu các quy định mới về quản lý nợ công tới các Bộ, ngành, địa phương ngay từ đầu năm 2018; đồng thời phối hợp đưa các nội dung tuyên truyền, tập huấn về Luật QLNC vào các nội dung tập huấn thi hành Luật NSNN.

- Thực hiện việc tiếp quản, bàn giao chức năng nhiệm vụ mới trong quản lý nợ công về Bộ Tài chính thực hiện quy định của Luật QLNC, cụ thể: tổ chức họp với 6 nhà tài trợ lớn để trao đổi thông tin, thông báo về một số quy định mới của Luật; tiếp nhận, bàn giao nhiệm vụ đàm phán ký kết Hiệp định khung và Thỏa thuận vay cụ thể từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước.

b) Về thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh việc quản lý chặt chẽ nợ công, cơ cấu lại nợ công theo Nghị quyết của Quốc hội; tăng cường công cụ nghiệp vụ quản lý nợ công, quản lý chặt chẽ việc bảo lãnh của Chính phủ, việc vay về cho vay lại; kiên quyết không sử dụng vốn vay cho các dự án đầu tư kém hiệu quả, các lĩnh vực mà Việt Nam đã làm chủ công nghệ:

- Về quản lý nợ của Chính phủ:

+ Tổ chức huy động vốn vay của Chính phủ theo đúng Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch trung hạn và hàng năm.

+ Điều chỉnh cơ cấu và khối lượng vay phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn cũng như điều kiện thị trường. Trong năm 2018 và 8 tháng đầu năm 2019, căn cứ tình hình thu, chi NSNN, công tác phát hành TPCP đã gắn kết chặt chẽ với tái cơ cấu nợ Chính phủ, quản lý ngân quỹ và phát triển thị trường TPCP. Kết quả đạt được là danh mục nợ TPCP đã được tái cơ cấu cả về kỳ hạn, danh mục và chi phí huy động, phối hợp nhịp nhàng với việc quản lý ngân quỹ và hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ.

+ Đa dạng hóa các kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ, đồng thời tập trung phát hành kỳ hạn dài từ 10 năm trở lên (chiếm trên 90% tổng khối lượng huy động, tăng mạnh so với mức 70,5% năm 2017) để tiếp tục cơ cấu lại danh mục nợ TPCP. Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân duy trì ở mức cao là 12,7 năm

+ Đối với vốn vay ODA, ưu đãi nước ngoài, Bộ Tài chính đã chủ động rà soát, định kỳ công khai đầy đủ và kịp thời các thông tin về khung điều kiện vay ODA, vay ưu đãi của nhà tài trợ, khả năng điều kiện cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi, khả năng vay nợ của chính quyền địa phương,... làm cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương, chủ dự án và các doanh nghiệp đề xuất dự án mới.

- Về tăng cường công cụ nghiệp vụ QLNC: Chính phủ đã báo cáo Quốc hội Chương trình QLNC trung hạn 3 năm giai đoạn 2019-2021 trong Kế hoạch tài chính ngân sách trung hạn 2019-2021; phê duyệt hạn mức bảo lãnh của Chính phủ và hạn mức cho vay lại năm 2019, phê duyệt kế hoạch vay và trả nợ công năm 2019 và Chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2019-2021.

- Về quản lý bảo lãnh của Chính phủ: Tiếp tục bám sát chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 07-NQ/TW về quản lý chặt chẽ việc cấp bảo lãnh, Bộ Tài chính đã chủ động tăng cường kiểm soát việc cấp bảo lãnh và quản lý rủi ro; đôn đốc quyết liệt để hoàn tất việc ký hợp đồng thế chấp tài sản đối với các dự án vay được Chính phủ bảo lãnh, khuyến khích người vay trả nợ trước hạn để giảm dư nợ bảo lãnh.

- Về quản lý nợ chính quyền địa phương: Việc kiểm soát an toàn nợ của chính quyền địa phương được quán triệt thực hiện suốt từ khâu tham gia ý kiến đối với đề xuất sử dụng vốn ODA/vay ưu đãi Chính phủ của chính quyền địa phương đến khâu thẩm định cho vay lại và giải ngân nguồn vốn vay nước ngoài cho các dự án đã được duyệt.

- Về đảm bảo các chỉ số nợ công, nợ chính phủ trong giới hạn được Quốc hội cho phép: Căn cứ nhu cầu vay nợ của NSNN được Quốc hội phê duyệt và tiến độ giải ngân của các dự án ODA, ưu đãi vay lại nguồn vốn vay của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch vay và trả nợ công hàng năm để làm căn cứ tổ chức thực hiện trong năm. Các chỉ tiêu nợ năm 2018 thấp hơn mức dự kiến tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

- Bộ Tài chính đang tổ chức triển khai Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2019 theo đúng qui định tại Nghị quyết số 39/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Về rà soát, tổng hợp giá trị các dự án mới ký kết và có khả năng sẽ ký kết trong giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa có trong danh mục đầu tư công trung hạn để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm nợ công trong giới hạn quy định:

Chính phủ đã báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 71/2018/QH14 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, trong đó danh mục các dự án đã ký và chuẩn bị ký kết hiệp định vay nước ngoài được thể hiện ở Phụ lục 1b, 1c đính kèm Nghị quyết và sẽ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 để triển khai thực hiện.

II. Lĩnh vực ngân hàng.

1. Điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối.

a) Điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ (CSTT) để ổn định thị trường tiền tệ, ngoại tệ và kiểm soát lạm phát theo mục tiêu:

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành nghiệp vụ thị trường mở thông qua việc chào mua, chào bán tín phiếu để điều tiết lượng tiền trong nền kinh tế, duy trì sự ổn định trên thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều hành đồng bộ các công cụ CSTT khác như giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc chung đối với các tổ chức tín dụng (TCTD); thực hiện tái cấp vốn đối với các TCTD để cho vay theo các chương trình đã được Chính phủ phê duyệt;... góp phần kiểm soát tiền tệ, không tạo ra áp lực gia tăng lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và mặt bằng lãi suất thị trường. Đồng thời, CSTT được phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa trong việc hỗ trợ phát hành trái phiếu Chính phủ với lãi suất hợp lý.

b) Duy trì ổn định mặt bằng lãi suất thị trường:

Trong 9 tháng đầu năm 2019, NHNN đã chỉ đạo các TCTD chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay, đảm bảo an toàn tài chính; điều tiết và đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh khoản cho các TCTD, duy trì lãi suất trên thị trường liên ngân hàng ở mức phù hợp để tạo điều kiện hỗ trợ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho các TCTD. Về lãi suất điều hành, trong bối cảnh lãi suất quốc tế gia tăng, trong những tháng đầu năm, NHNN đã điều hành đồng bộ các giải pháp CSTT nhằm ổn định mặt bằng lãi suất, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ, NHTW các nước trên thế giới gia tăng nới lỏng CSTT, trong nước kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát phù hợp với mục tiêu, thị trường tiền tệ, ngoại hối diễn biến ổn định; từ ngày 16/9/2019, NHNN điều chỉnh giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành để tiếp tục tạo điều kiện hỗ trợ nền kinh tế và thanh khoản của hệ thống TCTD.

Về cơ bản, mặt bằng lãi suất tiếp tục duy trì ổn định; một số TCTD bao gồm các NHTM Nhà nước và một số NHTM cổ phần lớn đã tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên vào đầu năm và tháng 8/2019.

c) Điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt, kết hợp điều tiết thanh khoản, lãi suất tiền VND hợp lý và chủ động truyền thông để ổn định thị trường, mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước khi có điều kiện thuận lợi.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng phù hợp nhằm chuyển hóa các nguồn vốn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Điều hành tín dụng tăng trưởng phù hợp với cân đối vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế gắn liền với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro trong tầm kiểm soát.

Trên cơ sở mức tăng trưởng 13,89% của tín dụng cuối năm 2018, mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát năm 2019, NHNN định hướng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng là 14%, có điều chỉnh linh hoạt phù hợp diễn biến, tình hình thực tế nhằm kiểm soát lạm phát, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Đến ngày 27/9/2019, tín dụng tăng 9,13% so với cuối năm 2018. Cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ. Tín dụng ngoại tệ được kiểm soát phù hợp với lộ trình hạn chế đô la hóa trong nền kinh tế.

Các giải pháp điều hành tín dụng mà NHNN đã triển khai:

- Thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đến từng TCTD trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động và khả năng tín dụng lành mạnh; trong đó, ưu tiên chỉ tiêu cao hơn đối với TCTD thực hiện trước thời hạn các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, các TCTD hỗ trợ Quỹ tín dụng nhân dân yếu kém... Trong quá trình điều hành, NHNN xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của một số TCTD nhằm đảm bảo hỗ trợ TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả cho doanh nghiệp và người dân, qua đó góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý.

- Chỉ đạo TCTD nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung phân bổ tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp và người dân. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán...; tăng cường quản lý rủi ro đối với các dự án BOT, BT giao thông và tín dụng tiêu dùng; kiểm soát cho vay bằng ngoại tệ và đưa ra lộ trình phù hợp giảm dần cho vay bằng ngoại tệ.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tăng cường triển khai chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi trong vay vốn tín dụng ngân hàng cho các doanh nghiệp.

- Quyết liệt triển khai nhiều giải pháp căn cơ, cụ thể nhằm mở rộng tín dụng, tăng khả năng tiếp cận vốn, góp phần đẩy lùi tín dụng đen.

- Chỉ đạo các TCTD đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn, thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành lúa gạo, ngành chăn nuôi lợn, cho người dân trồng tiêu.

3. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ngân hàng; triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD và triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng.

Trong năm 2018 và những tháng đầu năm 2019 (tính đến ngày 30/8/2019), Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành: 05 Nghị định, 02 Quyết định (riêng năm 2018 ban hành 03 Nghị định và 01 Quyết định; NHNN ban hành 65 Thông tư (riêng năm 2018 ban hành 51 Thông tư), trong đó, 16 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD 2010, (gồm 01 Quyết định và 15 Thông tư); đồng thời hoàn thiện các quy định liên quan đến việc bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng; quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; quy định về nội dung, trình tự, thủ tục thanh tra, giám sát ngân hàng; quy định về kiểm soát đặc biệt đối với các TCTD; quy định về hoạt động của QTDND; quy định về hoạt động thanh toán; các quy định về quản lý ngoại hối; quy định liên quan đến đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN đã hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan TTGSNH theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Đồng thời, trong năm 2019 Chính phủ dự kiến sẽ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực ngân hàng; Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP về TTKDTM; Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

NHNN cũng đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan rà soát để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập, xung đột pháp lý giữa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Ngân hàng với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật khác.

4. Tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường thanh tra, giám sát ngân hàng.

a) Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD:

Trên cơ sở các giải pháp quy định tại Đề án 1058 và thực trạng hoạt động của hệ thống các TCTD, NHNN chỉ đạo quyết liệt các TCTD hoàn thiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu. Đến nay, NHNN đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt Phương án hoặc có văn bản giao HĐQT/HĐTV rà soát, hoàn thiện, chịu trách nhiệm phê duyệt phương án cơ cấu lại của hầu hết các TCTD. Một số TCTD chưa được phê duyệt phương án chủ yếu là các TCTD đang rà soát, bổ sung, hoàn thiện Phương án cơ cấu lại trên cơ sở kết luận thanh tra hoặc TCTD yếu kém đang xử lý theo phương án đặc thù.

Công tác cơ cấu lại các TCTD đã đạt được những kết quả quan trọng theo đúng mục tiêu, lộ trình đề ra tại Đề án, tạo sự ổn định, an toàn của hệ thống các TCTD, thể hiện ở những mặt sau:

- *Năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm:* Đến cuối tháng 6/2019, vốn điều lệ của toàn hệ thống đạt 587,59 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% so với cuối năm 2018 và tăng 14,7% so với cuối năm 2017 (năm 2016 tăng 6,1%, năm 2017 tăng 4,91%, năm 2018 tăng

12,47%); vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống đạt 829,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% so với cuối năm 2018 và 25,7% so với cuối năm 2017. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) ở mức 11,8%.

- *Quy mô hệ thống các TCTD tiếp tục tăng*: Đến cuối tháng 6/2019, tổng tài sản của hệ thống các TCTD đạt 11,73 triệu tỷ đồng, tăng 6,0% so với cuối năm 2018 và tăng 17,3% so với cuối năm 2017.

- *Các NHTM do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (NHTMNN)* tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống các TCTD. NHNN giám sát chặt chẽ việc triển khai giải pháp cơ cấu lại của các NHTMNN, kịp thời yêu cầu rà soát, điều chỉnh phương án phù hợp với thực tiễn hoạt động để khắc phục các tồn tại, yếu kém. Đến cuối tháng 6/2019, vốn điều lệ của các NHTMCP đạt 139 nghìn tỷ đồng; tăng 0,8% so với cuối năm 2018; tổng tài sản đạt 5.054,2 nghìn tỷ đồng; tăng 4,73% so với cuối năm 2018, chiếm 43,1% toàn hệ thống; cho vay thị trường 1 đạt 3.652,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 48,4% toàn hệ thống. Tuy nhiên, việc mở rộng tín dụng của các NHTMNN gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh vốn điều lệ của các ngân hàng này chậm tăng trưởng, đặc biệt là đối với Agribank và Vietinbank.

- *Các NHTM cổ phần (NHTMCP)* tích cực thực hiện Phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt trong đó tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh; tích cực phát triển các dịch vụ thanh toán, dịch vụ phi tín dụng khác và mở rộng dịch vụ bán lẻ, tín dụng tiêu dùng; đẩy mạnh phát triển và đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng.

Đến cuối tháng 6/2019, vốn điều lệ của NHTMCP đạt 269,96 nghìn tỷ đồng, tăng 1,0% so với cuối năm 2018; tổng tài sản có đạt 4.862,75 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cuối năm 2018; cho vay thị trường 1 đạt 2.979,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cuối năm 2018.

- *Đối với các ngân hàng mua bắt buộc và ngân hàng Đông Á (DAB)*: Đến nay, NHNN đã hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phương án chuyển nhượng và cơ cấu lại Ngân hàng Đại Dương sau chuyển nhượng cho nhà đầu tư nước ngoài, phương án cơ cấu lại Ngân hàng Xây dựng (CB). Phương án cơ cấu lại Ngân hàng Dầu khí Toàn Cầu (GPBank), Đông Á đang được khẩn trương hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- *Đối với hệ thống QTDND*: NHNN tập trung chỉ đạo các đơn vị trong Ngành triển khai các giải pháp nhằm tăng cường củng cố hệ thống QTDND, tập trung xử lý QTDND yếu kém; đặc biệt là chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020 của các QTDND trên địa bàn. Theo đó, NHNN đã ban hành Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; đồng thời, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống QTDND. Hiện NHNN đang tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Đề án và Chỉ thị nêu trên. Đồng thời, khẩn trương hoàn thiện phương án xử lý các QTDND yếu kém để trình cấp có thẩm quyền theo nguyên tắc bảo đảm quyền

lợi hợp pháp của người gửi tiền, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sự ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.

b) Xử lý nợ xấu:

- *Về xử lý nợ xấu nội bảng:* NHNN đã chỉ đạo các TCTD tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế phát sinh nợ xấu mới; tự xử lý nợ xấu bằng các biện pháp đôn đốc khách hàng trả nợ; bán, phát mãi tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản nợ; bán nợ theo cơ chế thị trường; sử dụng dự phòng rủi ro; tích cực áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42. Đồng thời, các TCTD tích cực thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro và chất lượng công tác thẩm định tín dụng; triển khai các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát nợ xấu và xử lý nợ xấu. Nhờ đó, nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD tiếp tục được xử lý, kiểm soát và tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%. Tính từ năm 2012 đến cuối tháng 6/2019, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được **955,2 nghìn** tỷ đồng nợ xấu, trong đó nợ xấu do các TCTD tự xử lý là 617,0 nghìn tỷ đồng (chiếm 64,6% tổng nợ xấu xử lý), còn lại là bán nợ (bao gồm bán nợ cho VAMC và tổ chức, cá nhân khác) chiếm 35,4%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 6/2019 là **1,90%**.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của hệ thống TCTD tính đến tháng 6/2019 ở mức **4,95%**, giảm mạnh so với mức 10,08% cuối năm 2016, mức 7,36% cuối năm 2017 và mức 5,85% cuối năm 2018.

- *Về kết quả xử lý nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42:* Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 6/2019, toàn hệ thống TCTD đã xử lý được **224,7 nghìn** tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42, trong đó, xử lý nợ xấu nội bảng đạt 132,9 nghìn tỷ đồng.

- Kết quả mua bán, xử lý nợ xấu của VAMC:

+ Đối với việc mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt, lũy kế từ 2013 đến 30/6/2019, VAMC mua nợ xấu đạt 347.432 tỷ đồng dư nợ gốc nội bảng tương ứng với giá mua nợ là 316.066 tỷ đồng.

+ Mua nợ theo giá trị thị trường, lũy kế đến 30/6/2019, VAMC đã mua được 46 khoản nợ với dư nợ gốc đạt 6.341,3 tỷ đồng và giá mua bán nợ đạt 6.419,5 tỷ đồng.

+ Lũy kế từ 2013 đến 30/6/2019, VAMC đã phối hợp với các TCTD thu hồi nợ ước đạt 126.273 tỷ đồng. Đặc biệt từ khi Nghị quyết 42 có hiệu lực, kết quả thu hồi nợ của VAMC từ 15/8/2017 đến 30/6/2019 đạt 64.969 tỷ đồng, gần bằng 52% tổng giá trị thu hồi nợ lũy kế từ năm 2013 đến 30/6/2019.

c) Tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; sử dụng hiệu quả thông tin đánh giá tín nhiệm các TCTD; Rà soát để xử lý dứt điểm tình trạng sở hữu chéo; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hệ thống; Quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, hoạt động cho vay tiêu dùng:

- *Về công tác thanh tra:* Trong 8 tháng đầu năm 2019, NHNN đã thực hiện 898 cuộc thanh tra, kiểm tra (573 cuộc thanh tra và 325 cuộc kiểm tra); ban hành

kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra đối với 756 cuộc thanh tra, kiểm tra; đưa ra 5.489 kiến nghị, yêu cầu TCTD khắc phục tồn tại, sai phạm; ban hành 130 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân với tổng số tiền phạt 10,98 tỷ đồng. Ngoài ra, NHNN cũng đã áp dụng một số biện pháp xử lý đối với tổ chức, cá nhân nhằm kiện toàn tổ chức, ổn định bộ máy hoạt động tại một số TCTD (trong đó chủ yếu là tại các QTDND).

- *Về công tác giám sát*: Trên cơ sở những sai phạm, rủi ro phát hiện qua công tác giám sát, trong 8 tháng đầu năm NHNN đã ban hành khoảng 200 văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, cảnh báo rủi ro, yêu cầu TCTD chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động, bảo đảm hoạt động an toàn, lành mạnh.

- *Về sử dụng thông tin xếp hạng các TCTD*: Để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, an ninh tiền tệ trong hoạt động ngân hàng, định kỳ hàng năm, NHNN tiến hành đánh giá, xếp hạng các TCTD; trên cơ sở đó, có các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình hoạt động và sự lành mạnh của từng TCTD, như: **(i)** Xem xét, đánh giá về mức độ an toàn, lành mạnh của các TCTD; **(ii)** Kịp thời xác định các TCTD tiềm ẩn nguy cơ rủi ro, qua đó có các biện pháp ngăn chặn như: cảnh báo sớm tới các TCTD; yêu cầu TCTD xây dựng và thực hiện các phương án khắc phục; đặt TCTD vào tình trạng kiểm soát đặc biệt...

- *Về xử lý tình trạng sở hữu chéo*: Nhằm tiếp tục hạn chế, khắc phục tình trạng vi phạm sở hữu cổ phần, sở hữu chéo, NHNN đã thực hiện một số giải pháp xử lý bao gồm các giải pháp chính sách và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý; thanh tra, giám sát và tái cơ cấu các TCTD; đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan (Ủy ban chứng khoán Nhà nước), Bộ, ngành và UBND tỉnh thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các DNNN đẩy nhanh tiến độ thoái vốn góp, vốn cổ phần tại các TCTD theo chỉ đạo của Chính phủ và các giải pháp, lộ trình đã đề ra. Kết quả, các TCTD đã cơ bản xử lý, khắc phục được một số vi phạm sở hữu cổ phần, sở hữu chéo, cụ thể: **(i)** Số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau về cơ bản đến thời điểm 30/6/2019 đã khắc phục hết (năm 2012:7 cặp); **(ii)** Sở hữu cổ phần trực tiếp lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp giảm, đến tháng 6/2019 còn lại 01 NHTMCP với 01 cặp sở hữu cổ phần lẫn nhau (tại thời điểm tháng 6/2012 có 56 cặp).

- *Về quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, hoạt động cho vay tiêu dùng*:

+ *Đối với hoạt động của các công ty tài chính*: Trên toàn hệ thống hiện có 16 công ty tài chính đang hoạt động, trong đó có 12 công ty tài chính tín dụng tiêu dùng. NHNN thực hiện giám sát thường xuyên về tình hình tài chính và những vấn đề cần lưu ý đối với các công ty tài chính theo 2 nhóm (công ty tài chính hoạt động bình thường và công ty tài chính hoạt động yếu kém) đối với các nội dung: huy động vốn, cho vay, chất lượng tài sản, kết quả kinh doanh, tình hình thanh khoản, việc thực hiện các tỷ lệ an toàn trong hoạt động... Trên cơ sở thanh tra, kiểm tra đối với công ty tài chính, NHNN đã kịp thời có các văn bản chỉ đạo, cảnh báo các công ty tài chính có tồn tại, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động nhằm kịp thời xử lý các tồn tại, sai phạm tại từng đơn vị, tiếp tục chỉ đạo các công ty tài chính tuân thủ nghiêm túc các

quy định pháp luật hiện hành; đưa ra các kiến nghị, yêu cầu chỉnh sửa, khắc phục; xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ *Đối với hoạt động cho vay tiêu dùng*: NHNN đã kịp thời có công văn chỉ đạo TCTD, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố chấn chỉnh hoạt động cho vay tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống đối với các công ty tài chính tiêu dùng, chi nhánh và văn phòng đại diện của công ty tài chính tiêu dùng. Yêu cầu các TCTD, công ty tài chính tiêu dùng chấn chỉnh lại hoạt động cho vay, thu nợ đảm bảo minh bạch, có chính sách lãi suất phù hợp, phương thức thu nợ đúng quy định pháp luật. NHNN đang hoàn thiện dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính theo các định hướng, mục tiêu quản lý nhà nước nêu trên nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động cho vay tiêu dùng an toàn, lành mạnh, tăng cường khả năng tiếp cận đối với khách hàng có nhu cầu vay vốn cho mục đích tiêu dùng thực sự, góp phần hạn chế “tín dụng đen”.

5. Triển khai tích cực Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh ứng dụng và bảo đảm an ninh, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; triển khai thí điểm các mô hình thanh toán mới, áp dụng công nghệ mới trong hoạt động thanh toán.

Hoạt động thanh toán tiếp tục có bước tiến mạnh mẽ với nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán mới, tiện ích và hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin; các chỉ số thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng ấn tượng; các rủi ro, nguy cơ mất an toàn cơ bản được nhìn nhận, kiểm soát và xử lý kịp thời. Trong 7 tháng đầu năm 2019, số lượng giao dịch thanh toán nội địa qua thẻ ngân hàng đạt hơn 158,5 triệu giao dịch với tổng giá trị giao dịch đạt hơn 410,9 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 15,8% và 15,6% so với cùng kỳ năm 2018); số lượng giao dịch tài chính qua kênh Internet đạt hơn 226 triệu giao dịch với giá trị khoảng 10.951 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 51,8% và 18,3% so với cùng kỳ năm 2018); số lượng giao dịch tài chính qua kênh điện thoại di động đạt hơn 202 triệu giao dịch với giá trị giao dịch đạt hơn 2.093 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 104,9% và 155,3% so với cùng kỳ năm 2018).

Để đạt được những kết quả như trên, NHNN đã chủ động và quyết liệt triển khai đồng bộ có hiệu quả các giải pháp trong đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người dân theo chủ trương của Chính phủ và tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ như: (i) Triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (Quyết định 2545/QĐ-TTg ngày 31/12/2016) và Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công (Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 23/2/2018); (ii) Ban hành Bộ Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) thẻ chip nội địa, Bộ đặc tả kỹ thuật QR-code nhằm đảm bảo an toàn, tiện ích, với chi phí hợp lý; (iii) Chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, hiện đại vào các sản phẩm, dịch vụ thanh toán; (iv) Nâng cấp hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng; phát triển

mạng lưới POS dùng chung, chỉ đạo xây dựng hệ thống thanh toán phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ (ACH) nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nền kinh tế số; (v) Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM, giáo dục tài chính, có các biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ người tiêu dùng;...

Trong thời gian tới, NHNN tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau: (i) tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, trong đó chú trọng đến sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, nhất là đối với ngân hàng số, thanh toán số; (ii) xây dựng hạ tầng công nghệ phục vụ cho việc chia sẻ, cung ứng các dịch vụ số; tăng cường tích hợp, kết nối với các bộ ngành, lĩnh vực còn lại để mở rộng hệ sinh thái số; (iii) thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chủ động ứng dụng thành tựu CMCN 4.0, tăng cường hợp tác để tạo sự phát triển năng động, bứt phá trong hoạt động thanh toán; nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại để tiếp tục thiết kế, triển khai các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trên điện thoại thông minh nâng cao trải nghiệm cho khách hàng; (iv) thúc đẩy thanh toán điện tử trong khu vực Chính phủ, dịch vụ công gắn với việc phát triển Chính phủ điện tử; (v) tăng cường an ninh, an toàn bảo mật và các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

III. Lĩnh vực thông tin và truyền thông.

1. Về Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử trên cả 03 nhóm chỉ số về hạ tầng viễn thông, nguồn nhân lực và dịch vụ công trực tuyến.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 để đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số, trong đó nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong đẩy nhanh ứng dụng CNTT gắn với cải cách bộ máy hành chính nhà nước. Khai trương và đưa vào hoạt động Trục liên thông văn bản quốc gia, là tiền đề hình thành một Chính phủ không giấy tờ, nâng cao hiệu suất công việc và tiết kiệm chi phí cho xã hội. Tích cực xây dựng và hoàn thiện Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0; Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số; Nghị định về định danh và xác thực điện tử...

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (thay thế Nghị định số 102/2009/NĐ-CP và Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg) nhằm tháo gỡ, giải quyết các vướng mắc trong hoạt động quản lý đầu tư ứng dụng CNTT và thuê dịch vụ CNTT, thúc đẩy xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử.

Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) đã hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm, trong đó có nội dung tăng cường xử lý hồ sơ, văn bản giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về

cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; xây dựng các văn bản hướng dẫn nhằm tạo thuận lợi cho việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Theo kết quả khảo sát, đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hiệp quốc năm 2018, Việt Nam xếp vị trí thứ 88 trên tổng số 193 quốc gia được thực hiện đánh giá. Với kết quả này, Việt Nam tăng 01 bậc so với năm 2016 (trong khu vực ASEAN, Việt Nam xếp hạng ở vị trí thứ 6).

2. Việc thực hiện Luật Báo chí; Đề án Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực báo chí, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, cơ quan báo chí và cơ quan chủ quản.

Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Báo chí như: xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển báo chí (xây dựng Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030; triển khai Đề án Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025); ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Luật Báo chí (Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 08/02/2017 quy định về lưu chiểu điện tử đối với loại hình báo nói, báo hình và báo điện tử độc lập với cơ quan báo chí; Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước và một số Thông tư hướng dẫn việc cấp phép, cấp thẻ nhà báo...); tổ chức thông tin cho báo chí, quản lý thông tin của báo chí; cấp phép, thu hồi các loại giấy phép; cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo; kiểm tra báo chí lưu chiểu; đào tạo, bồi dưỡng trình độ chính trị, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ những người làm báo và cán bộ quản lý báo chí; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về báo chí.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Mục tiêu của quy hoạch: sắp xếp hệ thống báo chí gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí để phát triển hệ thống báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử; sắp xếp hệ thống báo chí nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, đầu tư dàn trải, buông lỏng quản lý, hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích; gắn với việc xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý báo chí của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là của người đứng đầu cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển báo chí trong tình hình mới.

Thực hiện trách nhiệm được giao tại Quyết định số 362/QĐ-TTg, Bộ TTTT đã: (1) Ban hành Kế hoạch số 1738/KH-BTTTT, ngày 04/6/2019, về việc *Triển khai sắp xếp các cơ quan báo chí theo Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025*; (2) Có văn bản đôn đốc các cơ quan báo chí được xây dựng mô hình cơ quan truyền thông đa phương tiện khẩn trương xây dựng Đề án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (thời gian hoàn thành: trước 2020); (3) Có văn bản yêu cầu các tổng biên tập tạp chí điện tử và cơ quan chủ quản tạp chí điện tử rà soát, chỉ đạo tạp chí điện tử thực hiện đúng tôn chỉ, mục

đích, không để tình trạng “báo hóa” tạp chí điện tử; (4) Làm việc trực tiếp với gần 30 cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí thuộc các tổ chức trung ương để hướng dẫn thủ tục, hồ sơ thực hiện theo quy hoạch; (5) Xem xét hồ sơ của cơ quan báo chí đề nghị chuyển đổi từ báo sang tạp chí; thu hồi giấy phép hoạt động báo chí theo đề nghị của cơ quan chủ quản khi thực hiện quy hoạch báo chí.

Bên cạnh việc tổ chức, quản lý thông tin tốt, Bộ TTTT thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của một số cơ quan báo chí, nhất là các tạp chí điện tử, nhằm hạn chế tình trạng “báo hóa” các tạp chí. Qua đó xử lý nghiêm các cơ quan báo chí không thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, xử lý nghiêm nhiều vụ việc báo chí thông tin sai sự thật, xúc phạm uy tín của tổ chức, uy tín danh dự của cá nhân. Năm 2018, Bộ đã tiếp nhận gần 300 đơn thư, khiếu nại, tố cáo của các cá nhân, tổ chức với nội dung phản ánh chủ yếu là thông tin sai sự thật, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, uy tín, danh dự của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Báo điện tử là loại hình báo chí bị phản ánh nhiều nhất, chiếm đa số. Từ tháng 9/2018, Bộ TTTT thiết lập Đường dây nóng Cục Báo chí để tiếp nhận thông tin phản ánh về hiện tượng lợi dụng danh nghĩa báo chí (thậm chí giả mạo nhà báo) để sách nhiễu doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm trục lợi. Từ 01/01/2019 đến 17/9/2019, đường dây nóng Cục Báo chí đã nhận được 1.409 cuộc điện thoại, 116 email gửi tới; qua đó đã hướng dẫn, trả lời cho các cá nhân, tổ chức và chủ động ngăn chặn, có biện pháp xử lý hành vi vi phạm. Nhiều thông tin từ đường dây nóng được thông báo cho lãnh đạo cơ quan báo chí để quản lý phóng viên, đồng thời rút kinh nghiệm trong giao ban báo chí hàng tuần và được cung cấp cho Hội Nhà báo Việt Nam để xem xét, xử lý về đạo đức nghề nghiệp.

3. Hệ thống chính sách, pháp luật về dịch vụ truyền thông; quản lý chương trình, nội dung phát thanh, truyền hình; hoàn thiện quy định, quản lý hoạt động thông tin trên mạng xã hội. Triển khai chính sách quản lý nhà nước về thông tin trên Internet phù hợp; biện pháp xử lý thông tin không phù hợp với pháp luật Việt Nam đăng tải bởi các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

a) Đối với lĩnh vực phát thanh, truyền hình:

- Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 về việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; trong đó bổ sung các quy định mới để quản lý các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình xuyên biên giới tới người sử dụng tại Việt Nam, bảo đảm sự phát triển của ngành phát thanh, truyền hình, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài; cải cách thủ tục hành chính. Việc sửa đổi Nghị định này sẽ tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực phát thanh, truyền hình nói chung và dịch vụ phát thanh, truyền hình nói riêng; nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền trên các kênh chương trình phát thanh, truyền hình; nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, từng bước hoàn thiện và bảo đảm hệ thống pháp luật về dịch vụ phát thanh, truyền hình phù hợp với sự phát triển của thực tiễn và hài hòa với luật pháp quốc tế. Quản lý nội dung thông tin theo hướng

thúc đẩy sản xuất nội dung chương trình trong nước, phù hợp với truyền thống văn hóa, thuần phong mỹ tục Việt Nam, chú trọng phát triển nội dung, đa dạng hóa các chương trình, đổi mới hình thức thể hiện, giảm thiểu sai sót trong nội dung thông tin, tránh gây bức xúc trong dư luận; đồng thời tạo điều kiện, đáp ứng nhu cầu liên kết trong sản xuất chương trình và kênh chương trình, tận dụng được lợi thế của các đối tác liên kết, hiện đại hóa, tăng nguồn thu cho các đài phát thanh, truyền hình, nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát được hoạt động liên kết.

- Bộ TTTT đã ban hành quy định về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm. Tăng cường chỉ đạo, định hướng nội dung thông tin cho các Đài PTTH nhằm nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình, đặc biệt là các chương trình dành cho trẻ em theo hướng đầu tư sản xuất, phát sóng các chương trình dành cho trẻ em đa dạng, nhiều thể loại, có tính giáo dục cao. Thực hiện đúng các quy định về nội dung, thời điểm, thời lượng; cảnh báo nội dung không phù hợp đối với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm.

b) Đối với lĩnh vực thông tin điện tử.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đẩy mạnh việc trao đổi, yêu cầu Facebook, Google hợp tác ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin sai sự thật, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thiết lập đầu mối và cơ chế hợp tác dành riêng với Việt Nam để trao đổi về các vấn đề còn tồn tại, trong đó sẽ tập trung 3 nhóm vấn đề chính: vi phạm về nội dung (bao gồm cả quảng cáo), phát triển kinh tế và thuế; Chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh về an ninh chính trị, kinh tế, kỹ thuật để yêu cầu Facebook và Google phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam như xử lý, ngăn chặn các nội dung, quảng cáo vi phạm pháp luật, mở Văn phòng đại diện và lưu trữ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam theo quy định tại Luật An ninh mạng.

Để từng bước xử lý vấn đề phát tán thông tin sai sự thật (Fake News) trên nền tảng Facebook và Youtube, góp phần hạn chế tình trạng giả mạo fanpage của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mạng xã hội này, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành liên quan xây dựng phương án chặn các dòng tiền giao dịch vi phạm pháp luật giữa người dùng Việt Nam và các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới như Google, Facebook. Bộ TTTT đã đề nghị Facebook triển khai cấp nhanh xác thực (blue tick) cho các fanpage chính thức của một số cơ quan, tổ chức, cá nhân có nguyện vọng và đồng thời yêu cầu Facebook chỉ được cho phép thành lập fanpage chính thức của một số cơ quan, tổ chức Đảng và Nhà nước khi có sự đồng ý của Bộ TTTT hoặc sự xác nhận của chính cơ quan, tổ chức đó.

4. Về quản lý thuê bao di động trả trước, khắc phục tình trạng sim rác, tin nhắn rác.

Trong năm 2019, nhằm tăng cường công tác quản lý thông tin thuê bao, khắc phục tình trạng SIM rác, tin nhắn rác, Bộ TTTT đã chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp triển khai nhiều biện pháp như:

- Ban hành văn bản chấn chỉnh các doanh nghiệp trên tinh thần người đứng đầu doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân nếu còn tồn tại SIM rác (văn bản 866/BTTTT-TTra ngày 26/3/2019);

- Yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng hệ thống nhận dạng hình ảnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ gia tăng tính chính xác trong việc đăng ký thông tin thuê bao. Đầu tháng 9/2019, 03 doanh nghiệp Viettel, VNPT, MobiFone đã chính thức áp dụng ứng dụng AI trong việc đăng ký thông tin thuê bao tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng ngay trong tháng 6/2019 các tiêu chí ngăn chặn các kênh phân phối sử dụng thông tin không chính danh để đăng ký thông tin thuê bao, kích hoạt sẵn SIM thuê bao; áp dụng các tiêu chí sàng lọc, phát hiện các SIM có dấu hiệu nghi vấn là kích hoạt sẵn trên kênh phân phối, tiến hành các biện pháp xử lý, thu hồi.

Tính đến hết tháng 8/2019, các doanh nghiệp đã rà soát, xử lý khoảng 4,7 triệu SIM thiếu 1 trong 4 trường thông tin cơ bản (họ tên, địa chỉ, số giấy tờ và ảnh chụp giấy tờ), trong đó có 2,6 triệu đã đăng ký lại thông tin, 2,1 triệu đã khóa 2 chiều hoặc dừng dịch vụ. Đồng thời, các doanh nghiệp tiếp tục rà soát, phát hiện khoảng 15,4 triệu SIM có dấu hiệu kích hoạt sẵn trên kênh phân phối và xử lý. Tính đến ngày 10/9/2019, các doanh nghiệp đã thực hiện khóa 2 chiều hơn 2,1 triệu SIM trong tổng số hơn 9 triệu SIM đã khóa 1 chiều thuộc tập SIM có dấu hiệu kích hoạt sẵn trên kênh phân phối (số còn lại khách hàng đã đến cập nhật lại thông tin hoặc bị hủy do quá thời hạn sử dụng gói cước).

Đối với tin nhắn rác, hệ thống chặn lọc tin nhắn rác của các nhà mạng hoạt động hiệu quả, có khả năng chặn lọc hàng trăm triệu tin nhắn rác mỗi năm, trong đó chỉ trong 7 tháng đầu năm 2019 số lượng tin nhắn rác chặn được trên toàn mạng là 90,4 triệu tin. Trong 06 tháng đầu năm 2019, đã ghi nhận được 21.888 lượt phản ánh tin nhắn rác, giảm 48,7% so với cùng kỳ năm 2018 (42.708 lượt phản ánh). Điều này nói lên các chính sách điều tiết trong thời gian vừa qua đã phần nào phát huy tác dụng.

5. Phát triển hệ sinh thái nội dung số trong nước; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước xây dựng các dịch vụ nền tảng như mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, thương mại điện tử.

Bộ TTTT đang chỉ đạo thúc đẩy mạng xã hội Việt Nam đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người Việt; thực hiện quản lý hiệu quả các nền tảng mạng xã hội nước ngoài có hoạt động xuyên biên giới; đề xuất phương án xử lý các nền tảng vi phạm pháp luật Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng các sản phẩm số Việt Nam (trình duyệt, phần mềm phòng chống mã độc, mạng xã hội) có chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong cơ quan nhà nước, tiến tới giảm dần sự phụ thuộc vào các sản phẩm ngoại.

Hiện nay, phần lớn dữ liệu người dùng Internet Việt Nam nắm giữ bởi các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động xuyên biên giới dựa trên các nền tảng số (như Google, Facebook). Dữ liệu cá nhân người Việt đang bị thu thập, khai thác và tạo ra doanh thu rất lớn từ quảng cáo cho các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, ngoài việc chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, các doanh nghiệp này cũng chưa

bảo đảm an toàn dữ liệu người dùng. Nhiều vụ rò rỉ dữ liệu, thậm chí bán dữ liệu cá nhân có chủ đích cho bên thứ ba đã xảy ra. Không những vậy, các nền tảng số còn là công cụ lan truyền không kiểm soát tin giả, tin sai sự thật gây mất trật tự, an toàn xã hội. Trước tình hình đó, tháng 10/2018, Chính phủ đã giao Bộ TTTT phát triển hệ sinh thái số Việt Nam đáp ứng nhu cầu sử dụng Internet của người Việt, hướng tới giảm dần phụ thuộc đối với các nền tảng nước ngoài. Bộ TTTT đã tích cực nghiên cứu, trao đổi với các doanh nghiệp và triển khai nhiệm vụ theo các hướng chính:

- Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.

- Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển thông qua đặt hàng doanh nghiệp, kêu gọi đầu tư, kết nối các nguồn lực hay cùng doanh nghiệp tháo gỡ các khó khăn cụ thể.

- Phát triển thị trường cho các sản phẩm Việt Nam; tạo điều kiện cho các sản phẩm số Việt Nam đáp ứng yêu cầu được triển khai trong các cơ quan nhà nước.

IV. Lĩnh vực điều tra tội phạm, thi hành án hành chính.

1. Nâng cao chất lượng điều tra, xử lý tội phạm để hạn chế việc trả lại hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung; chất lượng điều tra, khám phá tội phạm.

- *Về tội phạm về trật tự xã hội*: Bộ Công an đã ban hành hướng dẫn và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác phòng ngừa nghiệp vụ, tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố về tội phạm xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi. Ban hành các điện, kế hoạch chỉ đạo tăng cường đấu tranh với tội phạm có tổ chức; tội phạm chống người thi hành công vụ; tội phạm cướp ngân hàng, tiệm vàng, tội phạm trộm cắp, bảo kê, cờ bạc, cá độ bóng đá; phòng ngừa đối tượng tâm thần, “ngáo đá” gây án; tổ chức cao điểm phòng, chống mua bán người trên các tuyến biên giới; tăng cường phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là tội phạm xâm hại tình dục trẻ em... Phát hiện, đấu tranh, triệt xóa hàng trăm cơ sở, bắt giữ hàng trăm đối tượng hoạt động phạm tội liên quan “tín dụng đen”, cho vay nặng lãi được dư luận đánh giá cao, đồng tình ủng hộ; ngăn chặn, triệt phá nhiều băng, ổ nhóm tội phạm hình sự nguy hiểm sử dụng vũ khí, hung khí đâm chém nhau. Tích cực, khẩn trương điều tra làm rõ một số vụ án nghiêm trọng, dư luận quan tâm (như vụ giết lái xe taxi ở Hà Nội, vụ giết nữ sinh giao gà ở Điện Biên, vụ cướp tài sản tại Trạm thu phí ở Đồng Nai, cướp ngân hàng ở Quảng Ninh, Thái Bình...). Đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả tội phạm sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép vũ khí, vật liệu nổ. Công tác vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đạt kết quả tích cực. Phát hiện, bắt giữ, xử lý nhiều đối tượng đánh bạc và tổ chức đánh bạc, trong đó đã triệt phá nhiều tụ điểm đánh bạc lớn, bắt giữ hàng trăm đối tượng tham gia.

Điều tra, khám phá 73.315 vụ phạm pháp hình sự, bắt, đạt tỷ lệ **82,59%**; triệt phá 5.747 băng, nhóm tội phạm các loại. Đã bắt vận động ra đầu thú, thanh loại 10.736 đối tượng; trong đó, số đối tượng nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm bị bắt, vận động đầu thú, thanh loại là 2.083 đối tượng.

- *Về tội phạm kinh tế, tham nhũng*: Bộ Công an đã tổ chức tổng kết công tác thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng; sơ kết 05 năm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thanh tra vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng dư luận xã hội quan tâm; đề xuất giải pháp khắc phục sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý kinh tế - xã hội góp phần phòng ngừa tội phạm. Kiểm tra, đôn đốc quyết liệt công tác phòng, chống tội phạm kinh tế, tham nhũng tại các địa phương; chỉ đạo triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ tăng cường nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh với tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm. Phát hiện, điều tra nhiều vụ việc phạm tội về kinh tế với hành vi phạm tội tinh vi (như vụ bắt 03 đối tượng làm giả thẻ tiết kiệm chiếm đoạt 13 tỷ đồng của ngân hàng tại Hà Nội...). Đã đánh trúng, đánh đúng vào các đường dây buôn lậu lớn, vận chuyển hàng cấm, gian lận thương mại (trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019, bắt 01 đối tượng vận chuyển lậu 857 điện thoại di động tại cửa khẩu hàng không Nội Bài; phối hợp phát hiện 01 container thu giữ 01 tấn vảy tê tê, 01 tạ ngà voi nhập lậu tại Hải Phòng...). Phát hiện 33.689 vụ phạm tội và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế; 616 vụ phạm tội, vi phạm pháp luật về tham nhũng và chức vụ. Đã khởi tố 3.670 vụ, 5.569 bị can phạm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; 594 vụ, 1.342 bị can phạm tội tham nhũng và các vi phạm khác về chức vụ

Nổi bật là đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án kinh tế, tham nhũng thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo đạt được những kết quả rõ nét. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, kể cả những vụ việc tồn tại từ nhiều năm trước đã được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, công khai, đúng pháp luật, được nhân dân rất hoan nghênh, đồng tình ủng hộ (như: Vụ AVG; vụ án Phạm Công Danh; vụ án Hà Văn Thắm; vụ án Phan Văn Anh Vũ; vụ án Đinh Ngọc Hệ)... Công tác kê biên, thu hồi tài sản bị thiệt hại có chuyển biến tích cực, một số vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng thu hồi tài sản đạt khá cao (kết quả thu hồi tài sản từ 01/01/2013 đến 30/9/2018 chỉ tính riêng trong giai đoạn điều tra là 58,14%).

- *Về tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường*: Bộ Công an đã chỉ đạo tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật về môi trường; tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Triển khai các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm liên quan đến khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép; xả thải tại các khu, cụm công nghiệp; vận chuyển, buôn bán thực phẩm nhập lậu, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; sử dụng nguyên liệu, phụ gia không rõ nguồn gốc xuất xứ, hóa chất độc hại để sản xuất, chế biến thực phẩm; chủ động tham gia, phối hợp ngăn chặn bệnh dịch tả lợn Châu Phi... Tăng cường phát hiện, đấu tranh với tội phạm trong lĩnh vực khai thác, bảo vệ rừng, xử lý nghiêm các trường hợp “bảo kê” cho tội phạm. Phát hiện, xử lý 45.980 vụ vi phạm pháp luật về môi trường.

- *Về tội phạm ma túy*: Bộ Công an đã tổ chức Hội nghị về công tác phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy Việt Nam – Lào lần thứ 12, Hội nghị cấp Bộ trưởng về phòng, chống ma túy, được các nước trong khu vực. Tập

trung triển khai thực hiện các phương án, kế hoạch giải quyết tình hình phức tạp về ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm; đấu tranh triệt phá các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn, ngăn chặn ma túy thâm lậu vào trong nước; triệt xóa nhiều tụ điểm ma túy phức tạp, chuyển hóa và ổn định tình hình an ninh, trật tự ở nhiều địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy; lập hồ sơ người nghiện đưa đi cai nghiện tập trung; kiểm tra, phát hiện, xử lý các tụ điểm sử dụng ma túy tổng hợp trong các quán bar, nhà hàng, vũ trường; triển khai các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng sử dụng ma túy tổng hợp và các hành vi vi phạm pháp luật do các đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp gây ra... Phát hiện, bắt giữ 45.178 vụ, 54.594 đối tượng phạm tội ma túy; thu giữ 2.616kg heroin, 7 tấn và gần 2,5 triệu viên ma túy tổng hợp. Tấn công trấn áp tội phạm ma túy đạt nhiều kết quả nổi bật, trong đó đã triệt phá được nhiều đường dây, tụ điểm mua bán ma túy lớn; hoạt động xuyên quốc gia; tập trung truy bắt, vận động đối tượng truy nã ra đầu thú; phối hợp chặt chẽ các cơ quan tư pháp điều tra, truy tố, xét xử nghiêm đối tượng phạm tội (Điển hình như: Vụ bắt 895 bánh heroin, thu giữ 1,161 tấn ma túy đá tại Thành phố Hồ Chí Minh; vụ bắt hơn nửa tấn ma túy đá tại Nghệ An; vụ bắt 512 bánh heroin tại Điện Biên; vụ bắt 329 bánh heroin tại Lào Cai; vụ bắt 288 bánh heroin tại Cao Bằng; vụ bắt 100 bánh heroin tại Quảng Ninh...). Đặc biệt là triệt xóa tụ điểm ma túy phức tạp tại bản Tà Dê, xã Loóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, tiêu diệt 02 đối tượng cầm đầu thuộc diện truy nã đặc biệt nguy hiểm, bắt giữ những đối tượng liên quan, thu giữ 49 khẩu súng các loại, 17 quả lựu đạn, hơn 7.000 viên đạn và nhiều vật chứng khác, được nhân dân khen ngợi, đánh giá cao.

- *Về tội phạm công nghệ cao*: Đã khám phá nhiều chuyên án, vụ việc sử dụng công nghệ cao để phạm tội (vụ bắt 05 đối tượng thuộc Công ty Cổ phần tập đoàn Yên Khánh, Chi nhánh Long An mua bán, sử dụng phần mềm trái pháp luật che dấu doanh số thu phí, trốn thuế xảy ra tại các trạm thu phí BOT tuyến Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương; lập trang web giả danh người của công ty xỏ số kiến thiết miền Bắc chiếm đoạt hàng tỷ đồng...). Đặc biệt là triệt xóa nhiều đường dây đánh bạc, cá độ bóng đá... qua mạng quy mô lớn, liên quan đối tượng là người nước ngoài với số tiền hàng nghìn tỷ đồng.

2. Tăng cường biện pháp phòng, chống oan, sai, bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Cụ thể là: Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, gắn với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy chế, quy trình công tác, chấn chỉnh những sơ hở, thiếu sót trong công tác bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm; trang bị phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, thu thập chứng cứ, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật của điều tra viên và cán bộ điều tra. Tiếp tục triển khai thí điểm lắp đặt ghi âm, ghi hình có âm thanh các cuộc hỏi cung; trình Chính phủ phê duyệt Đề án cơ sở vật chất và tổ chức bộ máy thực hiện việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các biểu hiện tiêu

cực, vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm; xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm. Công tác tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và quản lý điều tra viên, cán bộ điều tra tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, góp phần đáp ứng yêu cầu công tác điều tra, xử lý tội phạm. Nhìn chung, đội ngũ điều tra viên, cán bộ điều tra đều được đào tạo cơ bản, bố trí công tác theo tiêu chuẩn chức danh và thường xuyên được tổ chức tập huấn nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Việc chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có liên quan thực hiện quy định tại Điều 60 của Luật Tổ tụng hành chính (Luật TTHC) về cử người đại diện tham gia tố tụng.

- Thực hiện Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (Luật TTHC năm 2015), Chính phủ đã chỉ đạo UBND, Chủ tịch UBND các cấp phải thực hiện nghiêm quy định về cử người đại diện tham gia tố tụng hành chính. Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo trực tiếp tại Hội nghị về công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài được tổ chức ngày 19/5/2018. Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã có nhiều văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều địa phương (như: Đồng Nai, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Yên Bái...) đã ban hành các Chỉ thị, công văn chỉ đạo các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố thực hiện nghiêm pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính trong đó có nội dung chỉ đạo thực hiện nghiêm Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Ngày 28/5/2019, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị trực tuyến với 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính nhằm đánh giá thực trạng, nguyên nhân tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.

Thực hiện kiến nghị của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội tại Báo cáo số 1516/BC-UBTP14 ngày 26/9/2018 về kết quả giám sát "*Việc chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân*", Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1152/QĐ-BTP ngày 21/5/2019 thành lập Đoàn kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính và công tác thi hành án hành chính của UBND và Chủ tịch các cấp tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 22/5/2019, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 1848/KH-BTP về việc kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về tố tụng hành chính và công tác thi hành án hành chính của UBND và Chủ tịch UBND. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang khẩn trương xây dựng các Kết luận kiểm tra tại các địa phương nêu trên.

4. Về kết quả thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa được thi hành.

- Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp rà soát và báo cáo kết quả rà soát các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính chưa thi hành xong; yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (i) Thi hành đúng, đầy đủ, kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật về vụ án hành chính thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật; (ii) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan trực thuộc thực hiện các bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến lĩnh vực, địa bàn quản lý, nhất là các vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài, dư luận xã hội quan tâm; xử lý trách nhiệm của người phải thi hành án theo quy định của pháp luật; (iii) Tập trung thi hành dứt điểm trong năm 2018 các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật còn tồn đọng.

Trước đó, ngay từ đầu năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó yêu cầu các bộ, ngành, địa phương "*Tập trung thi hành dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án dân sự, bảo đảm thi hành dứt điểm các bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính còn tồn đọng*". Sang năm 2019, tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chính phủ cũng xác định việc *thực hiện nghiêm pháp luật về tổ tụng hành chính* là một trong những nhiệm vụ, giải pháp mà các bộ, ngành, địa phương phải thực hiện.

- Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 1051/NQ-UBTP14 và Kế hoạch số 1052/KH-UBTP14 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Chính phủ đã có Báo cáo số 164/BC-CP ngày 10/5/2018 về việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND, Chủ tịch UBND. Ngoài 10 địa phương thuộc đối tượng chịu sự giám sát nêu trên, Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức kiểm tra liên ngành trong tháng 07/2018 đối với 03 địa phương có án hành chính chưa thi hành là: Đắk Lắk, Cà Mau, Kiên Giang.

Trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Chỉ thị về việc tăng cường chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính.

- Về kết quả theo dõi thi hành án hành chính 10 tháng năm 2019 (từ 01/10/2018 đến 31/7/2019):

Từ ngày 01/10/2018 đến hết ngày 31/7/2019, Tòa án nhân dân các cấp đã chuyển giao cho các cơ quan thi hành án dân sự 2.057 bản án hành chính (trong đó, số bản án có nội dung theo dõi là 327 bản án, số bản án không có nội dung theo dõi là 1.730 bản án). Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo dõi 551 vụ việc (trong đó, năm trước chuyển sang là 224 việc, trong kỳ báo cáo là 327 việc). Các cơ quan thi hành án dân sự đã ra 491 văn bản thông báo tự nguyện thi hành án; đăng tải công khai 112 quyết định buộc thi hành án; tổ chức làm việc với người phải thi hành án là 209 vụ việc; có 44 văn bản kiến nghị xử lý trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ thi hành án hành chính. Kết quả theo dõi: thi hành xong 215 vụ việc, chưa thi hành xong 336 vụ việc.